

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

(Giấy phép HKKD số 46/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 52 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 08 năm 2019)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 2, số 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0246 273 2059 Fax: 0246 273 2058

Website: www.tvsc.vn Email: tvsc@tvsc.vn

Chi nhánh:

Địa chỉ: Lầu 5, số 569 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283 838 5495 Fax:

Từ ngày: / /2019

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Trung Kiên Chức vụ: Giám đốc điều hành

Điện thoại: 0246 273 2059 Fax: 0246 273 2058

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

(Giấy phép HKKD số 46/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 28/12/2006
và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2019)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá bán	: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	: 24.287.340 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán	: 242.873.400.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Trụ sở chính: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 84-4-37425 888

Fax: 84-4-37578 666

Website: kiemtoanttp.com

Email: ttp@kiemtoanttp.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1. Rủi ro về kinh tế	1
2. Rủi ro về luật pháp	3
3. Rủi ro đặc thù	3
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	5
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	5
6. Rủi ro khác	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức phát hành	7
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức công ty	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty (Trang tiếp)	13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt 26	
6. Giới thiệu quá trình tăng vốn điều lệ.....	26
7. Hoạt động kinh doanh	29
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	39
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	41
10. Chính sách đối với người lao động.....	44
11. Chính sách cổ tức	46
12. Tình hình hoạt động tài chính.....	47
13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	51
14. Tài sản	64
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	64
16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	66
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành	66
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán.....	67
19. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.	67
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	68
1. Loại cổ phiếu	68
2. Mệnh giá.....	68
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	68
4. Giá chào bán dự kiến.	68
5. Phương pháp tính giá.....	68
6. Phương thức phân phối.....	70
7. Thời gian phân phối.....	70

8.	Đăng ký mua cổ phiếu	70
9.	Phương thức thực hiện quyền	71
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài	71
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	72
12.	Các loại thuế có liên quan	72
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.	73
VI.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	74
1.	Mục đích chào bán.....	74
2.	Phương án khả thi	74
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	75
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN.....	75
IX.	PHỤ LỤC	76

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động của các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, lãi suất. Các yếu tố này có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Đặc biệt, thị trường chứng khoán được ví như thước đo sức khỏe của nền kinh tế nên khi có sự biến động bất thường của các yếu tố trên sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới thị trường chứng khoán và các công ty chứng khoán. Do tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán rất nhanh và mạnh nên việc phân tích môi trường vĩ mô của nền kinh tế nhằm mục đích dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược phát triển và đảm bảo vận hành mô hình kinh doanh của Công ty là rất cần thiết.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tình hình kinh tế xã hội năm 2018 có nhiều chuyển biến tích cực. Việt Nam đạt tăng trưởng kinh tế ở mức 7,08% so với năm 2017 và vượt với mục tiêu đề ra và tăng trưởng ở mức cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Trong mức tăng trưởng 7,08% của toàn nền kinh tế, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 3,76% đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85% đóng góp 48,6% và khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7% mức tăng trưởng chung.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2008 -2018



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2019, Ngân hàng Thế giới dự báo Việt Nam có triển vọng tăng trưởng tích cực trung hạn, tăng trưởng GDP năm 2019 dự kiến đạt mức 7,1%. Tuy nhiên, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2018 ở mức 6,8%. Đây là mục tiêu vừa phải và khá thận trọng sau khi đạt được mức tăng trưởng 7,08% năm 2018. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định nền kinh tế chưa thực sự bền vững, phục hồi không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI. Chính vì thế, Chính phủ cần ưu tiên chuyển đổi cơ cấu, tiếp tục cải cách nhằm nâng cao ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải

thiện hiệu suất của khu vực DNNN và tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân năng động hơn và năng suất hơn.

Trước những biến động của nền kinh tế, Công ty đã xem xét một cách thận trọng trong việc xây dựng chiến lược phát triển của mình trên cơ sở tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo mục tiêu doanh thu và lợi nhuận Công ty đề ra.

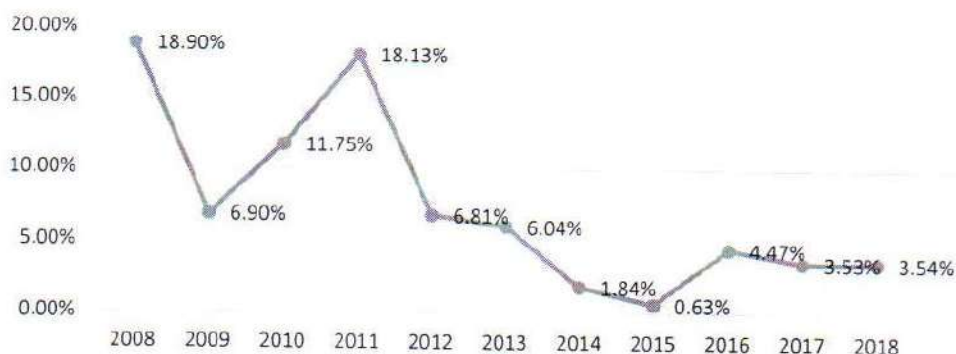
1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Ngược lại, lạm phát quá thấp kéo dài cộng thêm sự thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho nền kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn suy thoái kinh tế.

Lạm phát trong năm 2018 được kiểm soát và nằm trong giới hạn mục tiêu mà Quốc hội đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) 2018 tăng 3,54% so với năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với tháng 12/2017, bình quân mỗi tháng tăng 0,25%. CPI bình quân năm 2018 tăng là do điều chỉnh giá dịch vụ y tế, khám chữa bệnh, thực hiện lộ trình tăng học phí và việc tăng lương tối thiểu vùng và một số yếu tố thị trường.

Bước sang năm 2019, Chính phủ đã đề ra mục tiêu giữ lạm phát ở mức trung bình dưới 4% được các tổ chức nghiên cứu đánh giá là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên, để kiểm soát chỉ số lạm phát thành công, Chính phủ cần triển khai đồng bộ các giải pháp điều tiết ngay từ đầu năm gắn với tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh, ổn định kinh tế vĩ mô.

Biểu đồ 2: Lạm phát Việt Nam giai đoạn 2008 – 2018



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1.3. Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động đến tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh nên

ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Trong năm 2018, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay nhìn chung giữ ở mức ổn định so với năm 2017 và vẫn duy trì ở mức trung bình. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn, 9% - 11%/năm đối với trung và dài hạn.

Lãi suất năm 2019 được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp theo như chủ trương của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), qua đó hỗ trợ tích cực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo ổn định hoạt động của các thị trường tiền tệ, ngoại hối. Ngân hàng Nhà nước đã duy trì ổn định mức lãi suất điều hành và trần lãi suất huy động bằng VND, kết hợp với chính sách điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động USD, đảm bảo duy trì khoảng chênh lệch hợp lý giữa lãi suất VND và lãi suất USD.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt, do là Công ty chứng khoán nên ngoài sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Công ty còn phải tuân thủ những quy định đặc thù áp dụng cho Công ty chứng khoán. Hiện nay hệ thống pháp luật vẫn chưa hoàn chỉnh đặc biệt là các hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán nên tính ổn định chưa cao, việc ban hành các quy định mới đối với doanh nghiệp có thể phát sinh bất cập.

Chính vì vậy, để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty đã ban hành các quy trình kiểm soát nội bộ, các quy định, quy trình nghiệp vụ cụ thể cho từng phòng ban, nghiệp vụ cũng liên tục được cập nhật và thực hiện phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty giúp công ty hạn chế những rủi ro luật pháp trong hoạt động. Ngoài ra Phòng Pháp chế của Công ty luôn luôn cập nhật những thay đổi các văn bản luật liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra những ý kiến và khuyến nghị cho các quyết định của Ban Lãnh đạo, đồng thời tiến hành triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Cuối năm 2017 số lượng các Công ty chứng khoán đã được cấp phép hoạt động trên thị trường chứng khoán là 105 công ty. Tuy nhiên, việc triển khai đề án tái cấu trúc các Công ty chứng khoán giai đoạn trước dẫn đến số lượng Công ty chứng khoán còn hoạt động bình thường trên TTCK tính đến thời điểm hiện tại khoảng 73 công ty. Tuy nhiên 85% thị phần môi giới trên thị trường vẫn tập trung vào 15 Công ty chứng khoán lớn và các Công ty này không ngừng mở rộng thị phần. Điều này tạo nên áp lực cạnh tranh rất lớn cho tất cả các công ty chứng khoán nhỏ. Các công ty chứng khoán nhỏ bắt buộc phải tìm được thị trường ngách để có hướng phát triển riêng cho mình.

Hiện tại, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt chưa cạnh tranh được về quy mô và thị phần môi giới đối với các Công ty chứng khoán hàng đầu. Tuy nhiên, với lịch sử thành lập và với lợi

thể riêng, Công ty đã vận dụng được những am hiểu cũng như kinh nghiệm của mình để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất. Công ty luôn nghiên cứu, đổi mới để ngày càng hoàn thiện hơn về mọi mặt và tạo dựng niềm tin cho khách hàng bằng trí tuệ.

3.2. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do các nguyên nhân khách quan khác. Nếu không quản trị tốt rủi ro này Công ty chứng khoán sẽ phải đối diện với tổn thất về uy tín và tài sản. Để hạn chế các thiệt hại có thể xảy, Công ty đưa ra các biện pháp:

- Xác lập hệ thống quản trị rủi ro.
- Xác lập các tiêu chuẩn an toàn, bảo mật đối với hệ thống công nghệ thông tin.
- Tuyển dụng và đào tạo cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, đề cao đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng văn hóa Công ty.
- Chuẩn hóa công tác soạn thảo, ban hành các văn bản pháp lý Công ty.

3.3. Rủi ro nguồn lực

Đối với một công ty chứng khoán thì nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu sống còn cho sự tồn tại và phát triển do tính chất đặc thù của ngành. Nguồn nhân lực chất lượng trong ngành tài chính, nhất là đối với các công ty chứng khoán hiện đang cạnh tranh khá quyết liệt. Nhân sự chất lượng thường có xu hướng dịch chuyển giữa các công ty chứng khoán, tạo áp lực cho sự ổn định nhân sự của Công ty.

Để hạn chế rủi ro đó, Công ty đã thực hiện những chính sách nhằm thu hút nhân tài mới cũng như đoàn kết những nhân sự cũ. Công ty liên tục tuyển dụng nhân sự để ngày một mở rộng quy mô nhưng vẫn luôn chú ý đến chất lượng nhân sự về cả trình độ chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời chính sách lương thưởng, đãi ngộ của Công ty cũng ngày một được nâng cao như: 6 tháng bình xét tăng lương một lần đối với cấp nhân viên và 1 năm bình xét tăng lương một lần đối với cấp quản lý từ phó, trưởng phòng trở lên, thưởng theo năng lực làm việc, thực hiện chế độ bảo hiểm đầy đủ ngay sau khi hết thời gian thử việc, thưởng xuyên tở chức các buổi đào tạo nội bộ cho cán bộ công nhân viên từng nghiệp vụ, tở chức đi du lịch và hoạt động team building để tạo sự gắn kết, phát hành cổ phiếu ESOP ưu đãi về giá cho các cán bộ công nhân viên Công ty. Với những đường lối đúng đắn, hiện Công ty đã có một đội ngũ nhân sự khá ổn định, nhất là đội ngũ nhân sự cấp cao, tiếp sức cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

3.4. Rủi ro về thị trường

Rủi ro về thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi như chứng khoán cho khách hàng vay ký quỹ bị giảm giá, mất thanh khoản dẫn đến khách hàng thua lỗ hoặc cháy tài khoản giao dịch ký quỹ làm cho Công ty chứng khoán không thu hồi được tiền cho vay. Ngoài ra, việc biến động bất lợi của thị trường làm cho chứng khoán trong doanh mục tự doanh của Công ty giảm giá dẫn đến thua lỗ. Để giảm thiểu các rủi ro, Công ty chủ động đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro như sau:

- ❖ **Đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ**

- Lựa chọn danh mục chứng khoán ký quỹ theo đúng tiêu chí đã đề ra.
- Có tỷ lệ ký quỹ phù hợp cho mỗi loại chứng khoán ký quỹ.
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá sự biến động của thị trường để có thay đổi các chứng khoán trong danh mục ký quỹ phù hợp.
- Cập nhật hàng ngày danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ.
- Thành lập bộ phận chuyên trách để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác về tình hình tài chính, mối quan tâm của khách hàng.

❖ **Đối với hoạt động tự doanh**

- Hội đồng đầu tư lựa chọn, phân tích, đánh giá các danh mục đầu tư có tính khả thi.
- Xác định, xây dựng tỷ lệ đầu tư tại mỗi Công ty, nhóm ngành nghề.
- Xây dựng chính sách đầu tư cụ thể dài hạn và ngắn hạn.
- Theo dõi tình hình biến động của thị trường, cập nhật thông tin của các công ty đầu tư hoặc dự định đầu tư.
- Xem xét giá thị trường đã đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng hoặc mức độ giảm giá trong hạn mức cho phép để đưa ra các quyết định kịp thời.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Rủi ro từ đợt chào bán này được xem là khá thấp vì đối tượng được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là cổ đông hiện hữu, đây là những đối tượng hiểu rất rõ định hướng phát triển, tình hình kinh doanh cũng như Ban Lãnh đạo Công ty. Hơn nữa, giá trị thị trường cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trong mức giá khoảng từ 18.000 → 20.000 đồng/cổ phiếu trong khi giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Với mức chênh lệch giữa giá thực tế đang giao dịch và giá chào bán thì khả năng bán hết số cổ phần dự kiến chào bán của Công ty là khả thi. Đây là yếu tố tích cực góp phần thành công của đợt chào bán. Trong trường hợp đợt chào bán ra công chúng lần này không huy động đủ số vốn cần thiết, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có hoặc sử dụng các nguồn khác để bù đắp vào nhu cầu vốn đáp ứng chiến lược kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với lợi thế về tiềm năng phát triển của Công ty cùng với quyết tâm chào bán thành công đợt phát hành lần này, Hội đồng quản trị Công ty tin rằng toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán đợt này sẽ được phân phối hết.

4.2. Rủi ro của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư kinh doanh chứng khoán và bổ sung vốn lưu động. Cụ thể sử dụng cho vay giao dịch ký quỹ 100 tỷ, đầu tư kinh doanh chứng khoán 50 tỷ số tiền còn lại được bổ sung vốn lưu động của Công ty. Nhìn chung kế hoạch sử dụng vốn của Công ty từ đợt chào bán nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của Công ty. Với năng lực và uy tín của mình cũng như thị trường chứng khoán đang trong giai đoạn tăng trưởng, Công ty tin tưởng sẽ sử dụng hiệu quả số tiền thu được từ đợt phát hành.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ tăng hơn 2 lần so với hiện tại. Điều này sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu, cụ thể là giá cổ phiếu và thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ giảm sút. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do số lượng cổ phiếu tăng lên trong khi doanh thu, lợi nhuận của Công ty có thể chưa tăng tương ứng. Tỷ suất lợi nhuận sau khi phát hành cổ phiếu nhiều khả năng sụt giảm so với trước khi phát hành. Nhà đầu tư cần lưu ý đến rủi ro này, cụ thể như sau:

5.1. Rủi ro pha loãng cổ phiếu Công ty sau khi chào bán

Giá giao dịch của cổ phiếu TVB sẽ được điều chỉnh kỹ thuật giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu TVB sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{P_{t-1} + (I \times P)}{1+I}$$

Trong đó:

- P_{t-1}: Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- P: Giá cổ phiếu chào bán cho Cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/ cổ phiếu)
- I: tỷ lệ vốn tăng từ việc phát hành thêm cho Cổ đông hiện hữu

Ví dụ: Giá chứng khoán của TVB đóng cửa trước phiên giao dịch không hưởng quyền (*giá định*) là 18.000 đồng/cổ phiếu, Công ty phát hành tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Vậy giá tham chiếu cổ phiếu TVB tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh như sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{18.000 + (1 * 10.000)}{1 + 1} = 14.000 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

Vậy giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ bị điều chỉnh giảm xuống 14.000 đồng/cổ phiếu.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) Công ty sau khi chào bán

Nhà đầu tư nên lưu ý đến ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu mới lên thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) điều chỉnh sau khi phát hành cổ phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\text{EPS}_{\text{điều chỉnh}} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế được xác định bằng lợi nhuận sau thuế dự kiến của năm 2019;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ: là bình quân trọng số theo số ngày. Tổng số ngày trong kỳ là số ngày thực tế theo lịch, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ. Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*365 + Y*T}{365}$$

Trong đó:

- X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành.
- Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Ví dụ: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (*gia định*) là 120 ngày.
Vậy số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu lưu} &= \frac{24.287.340*365 + 24.287.340*120}{365} = 32.272.219 \\ \text{hành bình quân} & \hspace{15em} \text{(cổ phiếu)} \end{aligned}$$

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của TVB (dự kiến) là: 55.610.000.000 đồng

So sánh EPS năm 2019 trong 2 trường hợp:

Stt	Nội dung	Không phát hành	Phát hành
1	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	55.610.000.000	55.610.000.000
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	24.287.340	32.272.219
3	EPS	2.290	1.723

Sau khi chào bán EPS của Công ty sẽ giảm 24,74% so với trước khi phát hành

5.3. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu).

6. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Nếu xảy ra, những rủi ro này có thể gây thiệt hại đến con người cũng như tài sản của Công ty, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Phạm Thanh Tùng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Phạm Hồng Minh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Hồng Trung	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Hán Công Khanh	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Bản cáo bạch** : Bản cáo bạch của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định về đầu tư chứng khoán.
- **Điều lệ** : Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
- **Vốn điều lệ** : Tổng số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt.
- **Cổ phiếu** : Chứng chỉ do Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt.
- **Tổ chức chào bán** : Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt.
- **Tổ chức kiểm toán** : Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Ngoài ra, các thuật ngữ khác sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán năm 2006, Luật Chứng khoán sửa đổi năm 2010, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản hướng dẫn luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có ý nghĩa như sau:

- **Công ty/TVB** : Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt
- **Công ty mẹ/TVC** : Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt
- **CTCK** : Công ty chứng khoán
- **CTCP** : Công ty cổ phần
- **VĐL** : Vốn điều lệ
- **CP** : Cổ phần
- **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
- **BTGD** : Ban Giám đốc
- **BKS** : Ban Kiểm soát
- **HĐQT** : Hội đồng quản trị
- **TGD** : Tổng Giám đốc
- **CBCNV** : Cán bộ công nhân viên
- **CMND** : Chứng minh nhân dân
- **ĐKKD** : Đăng ký kinh doanh
- **BCTC** : Báo cáo tài chính
- **Thuế GTGT** : Thuế giá trị gia tăng

- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ : Tài sản cố định
- VND : Việt Nam đồng
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VSD : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- ĐKHD : Đăng ký hoạt động

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT
- Tên tiếng Anh : TRI VIET SECURITIES JOINT STOCK CORPORATION
- Tên viết tắt : TVB
- Logo của Công ty :



- Vốn điều lệ : 242.873.400.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 2, số 142 Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 62732059
- Fax : 024 62732058
- Website : www.tvsc.vn
- Giấy phép hoạt động số 46/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 28/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 14/03/2019 theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán;
 - Dịch vụ khác gồm: Cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ (Margin), Tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt tiền thân là Công ty cổ phần Chứng khoán Thái Bình Dương, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015199 ngày 22/12/2006 và Giấy phép hoạt động số 46/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 14/03/2019 theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK.

Là thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty hiện hoạt động với các nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư và các hoạt động tư vấn tài chính khác.

Quá trình phát triển của Công ty từ năm 2006 đến nay như sau:

Ngày 28/12/2006	Công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty cổ phần Chứng khoán Thái Bình Dương, theo Giấy phép hoạt động số 46/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006. Vốn điều lệ ban đầu là 28 tỷ đồng.
Ngày 20/08/2010	UBCKNN chấp thuận việc đổi tên và tăng vốn điều lệ công ty. Theo đó, công ty đổi tên từ Công ty cổ phần Chứng khoán Thái Bình Dương thành Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt. Vốn điều lệ mới của Công ty là 51,8 tỷ đồng.
Ngày 27/09/2010	Tăng vốn điều lệ từ 51,8 tỷ đồng lên 96 tỷ đồng.
Ngày 19/10/2010	Chuyển trụ sở từ Tầng 2, số 168, phố Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội sang Tầng 2, số 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.
Ngày 15/04/2015	Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ là 96 tỷ đồng.
Ngày 09/06/2015	Công ty được HNX chấp thuận giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán TVB theo Quyết định số 337/QĐ-SGDHN.
Ngày 13/03/2017	Thành lập chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại Lầu 5, số 569 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thực hiện nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán và Môi giới chứng khoán theo Quyết định số 198/QĐ-UBCK và Quyết định số 53/QĐ-UBCK
Ngày 31/05/2017	Tăng vốn từ 96 tỷ lên 150,2 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2017 của Chủ tịch UBCKNN.
Ngày 13/06/2018	Công ty nhận quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 208/QĐ-SGDHCM.
Ngày 08/08/2018	Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 161,9 tỷ đồng theo Quyết định số 61/GPĐC-UBCK.
Ngày 26/02/2019	Tăng vốn từ 161,9 tỷ đồng lên 242,87 tỷ đồng theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 42/2019/BC-TVB ngày 26/02/2019 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2019

Với định hướng phát triển mạnh mẽ môi giới và tư vấn tài chính, Công ty đề cao vai trò và giá trị của chất lượng nhân sự và tự hào là một CTCK có đội ngũ nhân sự năng động, nhiều hoài bão và là những người có nhiều năm kinh nghiệm thực tế trên TTCK, được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt đặt trụ sở chính tại Tầng 2, số 142 Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại Lầu 5, số 569 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

HỘI SỞ TẠI HÀ NỘI

Tầng 2, số 142 Đội Cấn, Ba Đình, TP.

Hà Nội

T: 0246 273 2059

F: 0246 273 2058

W: www.tvsc.vn

E: tvsc@tvsc.vn

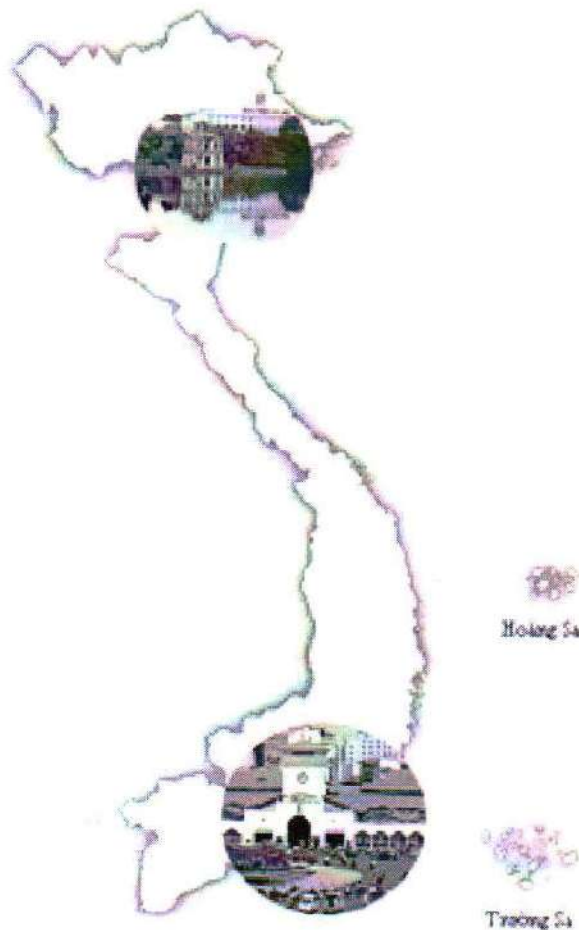
CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Lầu 5, số 569 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

T: 0283 838 5495

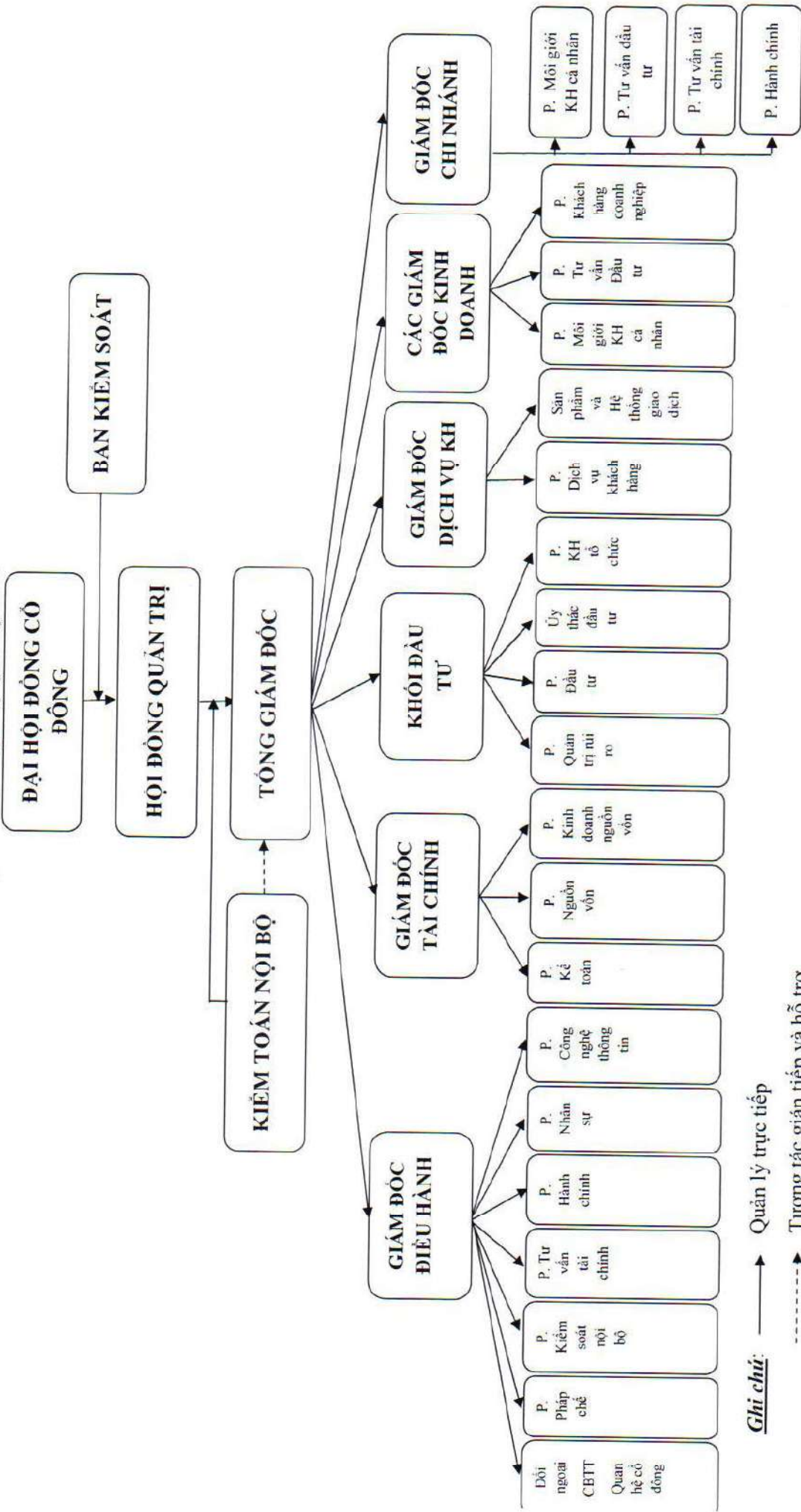
W: www.tvsc.vn

E: tvsc@tvsc.vn



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty (Trang tiếp)

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý TVB



Hiện tại, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt được tổ chức quản lý và điều hành theo mô hình quản trị công ty cổ phần có ban kiểm soát, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và có quyền quyết định thông qua những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Cụ thể:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và

- báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định;
 - Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - Nhiệm vụ khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3.3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác

- trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - Thiết lập quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
 - Thiết lập bộ phận thực hiện kiểm toán nội bộ và phân công cử người kiểm soát rủi ro;
 - Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3.4. Kiểm toán nội bộ

Bộ phận kiểm toán nội bộ là bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan, bảo mật. Ban Kiểm toán nội bộ có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách, quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật và kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

- Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty;

3.5. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Bộ phận hỗ trợ Tổng Giám đốc gồm Giám đốc điều hành, Giám đốc Dịch vụ Khách hàng, Giám đốc tài chính, các Giám đốc kinh doanh và Giám đốc Chi nhánh. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHQĐ, HĐQT, kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư của Công ty được phê duyệt bởi HĐQT và ĐHQĐ;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh, đề xuất và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ công ty.

3.6. Giám đốc Điều hành

Giám đốc điều hành trực tiếp phụ trách các phòng sau:

❖ Phòng Pháp chế

Phòng Pháp chế chịu sự quản lý trực tiếp của Giám đốc điều hành. Phòng Pháp chế có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, cơ chế chính sách của Nhà nước, của ngành, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty; bổ sung, hoàn thiện quy chế, cơ chế quản lý, quản trị, điều hành Công ty an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Tư vấn cho Tổng Giám đốc Công ty tham gia vào quá trình tố tụng trọng tài hoặc Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của

người lao động; tham gia vào quá trình thực hiện và giải quyết khiếu nại tố cáo có liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với các dự thảo hợp đồng, văn bản do các phòng ban trong Công ty chủ trì soạn thảo trước khi trình Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty giúp Tổng giám đốc Công ty lập kế hoạch tổ chức thực hiện pháp luật; Theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và nội quy, quy chế và quy trình nghiệp vụ của Công ty; Khảo sát, tổng kết đánh giá thực trạng để kiến nghị với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty ra biện pháp xử lý, đảm bảo điều hành hoạt động thông suốt, an toàn, đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong mọi hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Làm đầu mối giúp Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty chuẩn bị ý kiến bằng văn bản đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước gửi xin ý kiến; tổng kết đánh giá những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật

❖ **Phòng Kiểm soát nội bộ**

Phòng kiểm soát nội bộ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Công việc khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành giao.

❖ **Phòng Tư vấn tài chính**

Phòng Tư vấn tài chính (Phòng IB) thực hiện tiếp thị, tìm kiếm và chăm sóc khách hàng để cung cấp dịch vụ và thực hiện cung cấp các dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp cho khách hàng trên cơ sở các quy chế, quy trình nghiệp vụ của Công ty và pháp luật, bao gồm các hoạt động sau:

- Tư vấn thực hiện các nghiệp vụ thị trường vốn như tư vấn phát hành cổ phần chào bán tăng vốn điều lệ, tìm kiếm đối tác chiến lược là các định chế tài chính, nhà đầu tư chiến lược mua cổ phiếu doanh nghiệp để hoạt động phát hành được thành công.

- Tư vấn thực hiện các nghiệp vụ thị trường nợ: Phát hành trái phiếu, thu xếp để các định chế tài chính, tổ chức, cá nhân mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành.
- Tư vấn thực hiện M&A trong lĩnh vực doanh nghiệp.
- Tư vấn tái cấu trúc.
- Các dịch vụ tư vấn tài chính khác: Tư vấn cổ phần hóa, tư vấn bán thoái vốn, tư vấn thường niên, quan hệ nhà đầu tư ...

❖ **Phòng Hành chính**

Phòng Hành chính chịu sự quản lý trực tiếp của Giám đốc điều hành. Phòng Hành chính có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Thực hiện công tác hành chính, quản lý công văn, tài liệu đi đến, lưu giữ tài liệu;
- Lập kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ lao động, văn phòng phẩm và các đồ dùng khác cho Công ty, theo dõi tình hình sử dụng cơ sở vật chất của Công ty;
- Tổ chức quản lý và sử dụng con dấu đúng quy định;
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công tác bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất.
- Quản lý xe ô tô, điều phối xe ô tô phục vụ lãnh đạo và công việc theo quy định;

❖ **Phòng Nhân sự**

Phòng Nhân sự có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Quản lý nhân sự theo các nội quy, quy chế của Công ty;
- Thực hiện các chế độ cho người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định có liên quan;
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực của toàn Công ty, ngân sách liên quan đến chi phí lao động (quỹ lương, chi phí đào tạo, chi phí đóng BHXH, BHYT, chi phí đồng phục,...).
- Xây dựng kế hoạch nhân sự hàng năm (định biên, cơ cấu chức danh, vị trí công việc, kế hoạch quy hoạch & bổ nhiệm hàng năm, kế hoạch luân chuyển, điều chuyển).
- Xây dựng quy chế tiền lương để Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Xây dựng các quy trình, quy chế trong công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá đối với người lao động Công ty.
- Tổ chức và thực hiện các hoạt động nhân sự theo quy định: xếp lương, nâng bậc lương, tuyển dụng, đánh giá nhân sự, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo, thanh toán lương, chế độ phúc lợi.
- Phối hợp với Công đoàn cơ sở xây dựng chương trình phúc lợi, khen thưởng hàng năm để xin ý kiến tại Hội nghị người lao động hàng năm.
- Quản lý hồ sơ, thông tin người lao động theo quy định hiện hành (hồ sơ nhân sự, thông tin trên phần mềm HRM)
- Thực hiện các công việc khác.

❖ **Phòng Công nghệ thông tin**

- Quản lý hạ tầng Công nghệ thông tin bao gồm quản trị mạng, quản trị hệ thống và công tác an toàn bảo mật thông tin.

- Quản lý ứng dụng bao gồm quản lý hệ thống chứng khoán lỗi và phát triển ứng dụng.
- Lập kế hoạch, phương án triển khai hệ thống công nghệ thông tin của Công ty bao gồm trụ sở chính, các chi nhánh.
- Tìm kiếm, đề xuất phương án lựa chọn và phối hợp với nhà cung cấp giải pháp bên ngoài trong việc triển khai các gói giải pháp công nghệ thông tin phục vụ hoạt động giao dịch và quản trị của Công ty.

❖ **Công việc khác:**

Giám đốc điều hành còn tham gia phụ trách các lĩnh vực công việc Đối ngoại; Công bố thông tin; Quan hệ với cổ đông theo từng việc cụ thể liên quan.

3.7. Giám đốc Tài chính

Giám đốc Tài chính trực tiếp phụ trách các phòng chức năng sau:

❖ **Phòng Kế toán**

- Thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty.
- Thực hiện việc thanh toán, quyết toán toàn bộ các giao dịch của Công ty và khách hàng.
- Thực hiện công tác kế toán quản trị, quản lý rủi ro.
- Phối hợp với các phòng nghiệp vụ xây dựng phương án tài chính của Công ty, các phương án vay vốn, sử dụng vốn, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế.
- Lập báo cáo tài chính quý, năm và các báo cáo khác theo chế độ quy định.

❖ **Phòng Nguồn vốn**

Phòng Nguồn vốn quản lý các nghiệp vụ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính bao gồm ứng trước tiền bán, sức mua ứng trước, giao dịch ký quỹ (Margin), tính sức mua.

Phòng dịch vụ tài chính có chức năng nhiệm vụ sau:

- Thực hiện việc đối chiếu số liệu, theo dõi giải ngân, thu nợ, báo cáo cho các bộ phận, cơ quan nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của số liệu phát sinh và thông tin cung cấp đầy đủ, kịp thời.
- Quản lý rủi ro sử dụng các sản phẩm tài chính nhằm đảm bảo an toàn tài chính, giảm thiểu rủi ro cho Công ty và khách hàng.
- Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc và cung cấp thông tin cho khách hàng và các bộ phận có liên quan như dịch vụ khách hàng, môi giới,.....
- Hỗ trợ cùng các bộ phận xử lý các tình huống nghiệp vụ của sản phẩm tài chính giúp cho các bộ phận nắm đầy đủ đặc điểm, quy trình của sản phẩm.
- Kết hợp cùng các phòng ban xây dựng, cải thiện quy trình sản phẩm nhằm đảm bảo quy trình được xây dựng và cập nhật đầy đủ kịp thời hoàn thiện chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng và quản lý rủi ro được chặt chẽ.

❖ **Phòng kinh doanh nguồn vốn**

Phòng Kinh doanh nguồn vốn chịu sự quản lý trực tiếp của Giám đốc Tài chính, có chức năng

tham mưu, giúp việc cho Ban Lãnh đạo về công tác bán các sản phẩm và dịch vụ của Công ty; công tác phát triển thị trường; công tác xây dựng và phát triển mối quan hệ Khách hàng. Chịu trách nhiệm trước Ban Lãnh đạo về các hoạt động đó trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Cụ thể:

- Tham mưu xây dựng chính sách bán sản phẩm & dịch vụ bao gồm chính sách về lãi suất, ưu đãi.
- Đề xuất chính sách cho Khách hàng, trình Ban lãnh đạo phê duyệt và thực hiện theo chính sách đã được phê duyệt.
- Lập mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trình Ban lãnh đạo phê duyệt định kỳ và thực hiện triển khai kinh doanh.
- Tìm kiếm và phát triển khách hàng mới.
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng. Chăm sóc khách hàng theo chính sách của Công ty.
- Quản lý thông tin khách hàng theo quy định

3.8. Khối Đầu tư

Khối Đầu tư nằm dưới sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc, bao gồm các Phòng chức năng:

❖ Phòng Quản trị rủi ro

- Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc phát hiện, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Đề xuất chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.
- Báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về việc tuân thủ các quy định của Pháp luật của Công ty về quản trị rủi ro tại các bộ phận, đơn vị của công ty.
- Xem xét các quy định, quy trình đang được áp dụng để đảm bảo việc phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro theo các quy định về quản trị rủi ro của Pháp luật và của công ty. Đưa ra các báo cáo, khuyến nghị cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về việc sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro.
- Tham gia khắc phục rủi ro khi xảy ra rủi ro.
- Theo dõi tình hình thị trường, cập nhật các chính sách, các văn bản pháp luật để kịp thời nhận diện các rủi ro mới có thể xảy ra và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, hạn chế hậu quả các rủi ro và khắc phục rủi ro tại Công ty.
- Đề xuất các quy định, quy trình, biện pháp quản trị rủi ro khi xây dựng, triển khai các sản phẩm mới, dịch vụ mới.
- Chức năng khác phù hợp với pháp luật hiện hành.

❖ Phòng Đầu tư

- Lập kế hoạch và xây dựng các danh mục đầu tư theo từng thời kỳ của Công ty;
- Thực hiện các giao dịch theo danh mục đầu tư đã được phê duyệt;
- Báo cáo và thống kê hiệu quả hoạt động đầu tư;

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Ban Lãnh đạo.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện phân tích hàng tháng;
- Lập báo cáo phân tích và đánh giá môi trường vĩ mô: nền kinh tế chung, thị trường tài chính, tiền tệ, đánh giá ngành, phân tích Công ty, phân tích chứng khoán;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ cho hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới và quản trị rủi ro.
- Xây dựng bản tin thị trường hàng ngày và định kỳ.

❖ **Phòng Khách hàng tổ chức**

- Trực tiếp thực hiện việc tìm kiếm, duy trì và phát triển quan hệ khách hàng tổ chức.
- Phát triển khách hàng mới, duy trì khách hàng hiện tại, bán các sản phẩm dịch vụ của Công ty nhằm đạt chỉ tiêu kinh doanh được giao.
- Quản trị quan hệ với khách hàng.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc xây dựng chính sách phát triển kinh doanh và chính sách chăm sóc khách hàng doanh nghiệp.
- Thực hiện các công việc khác được giao.

❖ **Các công việc khác**

Tổng Giám đốc còn tham gia phụ trách trực tiếp hoạt động ủy thác đầu tư và từng việc cụ thể liên quan.

3.9. Giám đốc Dịch vụ Khách hàng

Giám đốc Dịch vụ khách hàng trực tiếp phụ trách phòng chức năng sau:

❖ **Phòng Dịch vụ khách hàng**

- Thực hiện việc mở, quản lý tài khoản cho khách hàng và thanh toán giao dịch của khách hàng.
- Nhận lệnh, kiểm tra lệnh và nhập lệnh giao dịch mua bán chứng khoán của khách hàng vào hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.
- Xác nhận kết quả giao dịch cho khách hàng.
- Thực hiện nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: gửi, rút, chuyển khoản, thanh toán và bù trừ, thực hiện quyền,... theo quy chế của Trung tâm Lưu ký.
- Thực hiện thanh toán, theo dõi và phân bổ lãi tiền gửi cho khách hàng trên các tài khoản.
- Giúp khách hàng thực hiện các quyền cổ đông liên quan đến sở hữu chứng khoán lưu ký trên tài khoản.
- Lập báo cáo giao dịch, báo cáo lưu ký tháng, quý, năm và các báo cáo khác theo chế độ quy định.
- Chăm sóc, quản lý và phát triển mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước.
- Đề nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng thì Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh tham gia chỉ đạo một số mặt nghiệp vụ của phòng Dịch vụ khách hàng.

❖ **Sản phẩm và hệ thống giao dịch**

- Tìm hiểu, thu thập và phân tích nhu cầu, xu hướng của thị trường tài chính/chứng khoán, nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán đưa ra các ý tưởng về phát triển sản phẩm, dịch vụ mới hoặc đề xuất giải pháp nâng cấp đối với sản phẩm dịch vụ, hệ thống hiện hữu;
- Xây dựng kế hoạch và thực thi kế hoạch phát triển sản phẩm dịch vụ của Công ty. Cụ thể: Đánh giá và chuyển hóa các nhu cầu và xu hướng thị trường thành sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
- Phối hợp với các phòng ban xây dựng các tài liệu chuyên môn cho sản phẩm, dịch vụ được phát triển hoặc nâng cấp;
- Phối hợp với phòng truyền thông thực hiện Marketing, truyền thông các sản phẩm mới;
- Tham gia hỗ trợ bộ phận sóc khách hàng giải quyết và xử lý các yêu cầu liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
- Thu nhập ý kiến của khách hàng phục vụ cho việc phát triển và nâng cấp sản phẩm dịch vụ của Công ty;
- Các công việc khác theo yêu cầu về việc phát triển sản phẩm từ ban lãnh đạo Công ty.

3.10. Các Giám đốc kinh doanh

Giám đốc kinh doanh chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc có nhiệm vụ hỗ trợ, giúp Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc Kinh doanh trực tiếp phụ trách các phòng ban sau:

❖ **Các Phòng Môi giới khách hàng cá nhân**

- Triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán.
- Triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật và công ty;
- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, cải tiến các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán;
- Nghiên cứu, đề xuất chính sách áp dụng cho hoạt động môi giới trong toàn công ty;
- Tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán.

❖ **Phòng Tư vấn đầu tư**

- Tìm kiếm và duy trì mối quan hệ với khách hàng đã có sẵn của Công ty.
- Cung cấp thông tin và đánh giá tình hình thị trường, từng mã chứng khoán cho khách hàng.
- Tư vấn, khuyến nghị cho khách hàng về xu hướng giá, loại chứng khoán, thời điểm mua vào thích hợp khi khách hàng muốn tham khảo ý kiến để khách hàng đầu tư và hỗ trợ khách hàng trong giao dịch.
- Xây dựng các bản tin thị trường, báo cáo đánh giá, khuyến nghị đầu tư đối với một số mã cổ phiếu được phân tích.

- Thực hiện các công việc khác được phân công.

❖ Phòng Khách hàng Doanh Nghiệp

- Triển khai thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán đối với Khách hàng doanh nghiệp;
- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, cải tiến các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ liên quan;
- Nghiên cứu, đề xuất chính sách đặc thù áp dụng cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp;

3.11. Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh TP. HCM là đơn vị hạch toán phụ thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty, được thành lập theo quyết định của HĐQT và Giấy phép thành lập và hoạt động của UBCKNN.

Chi nhánh thực hiện nghiệp vụ môi giới khách hàng cá nhân, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư tuy nhiên có thêm các bộ phận văn phòng như hành chính, nhân sự, lễ tân... Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty về kết quả kinh doanh dịch vụ của Chi nhánh và chịu trách nhiệm trước khách hàng, Pháp luật của Nhà nước về dịch vụ do Chi nhánh thực hiện.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 03/04/2019

Stt	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	0106065776	Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	18.070.831	74,4
Tổng cộng				18.070.831	74,4

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm 03/04/2019

Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ số cổ phần của cổ đông sáng lập nắm giữ (nếu có) không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.3. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 03/04/2019

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	360	24.244.979	99,83
-	Cá nhân	351	6.100.914	25,12
-	Tổ chức	9	18.144.065	74,71

II	Cổ đông nước ngoài	5	42.361	0,17
-	<i>Cá nhân</i>	<i>4</i>	<i>32.441</i>	<i>0,13</i>
-	<i>Tổ chức</i>	<i>1</i>	<i>9.920</i>	<i>0,04</i>
Tổng cộng		365	24.287.340	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

5.1. Công ty mẹ của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt

- Địa chỉ : Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP.Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 722 4999
- Fax : 0246 273 2058
- Website : www.tcorp.vn
- Vốn điều lệ : 400.241.070.000 đồng
- Giấy CNĐKKD số : 0106065776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2012, thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 08 năm 2017.
- Tỷ lệ nắm giữ : 74,4 %
- Giá trị nắm giữ : 180.708.310.000 đồng theo mệnh giá
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Các dịch vụ ủy thác trên cơ sở phí và hợp đồng (6619);
 - Tư vấn đầu tư (6619);
 - Quản lý các chương trình hành chính quản trị (8299);
 - Hoạt động tư vấn quản lý (7020);
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (7320);

5.2. Công ty con

Không có.

6. Giới thiệu quá trình tăng vốn điều lệ

Thời gian	Vốn điều lệ trước phát hành (Nghìn đồng)	Số vốn tăng thêm (Nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
22/12/2006	28.000.000			Góp vốn thành lập công ty	<ul style="list-style-type: none"> Giấy CNĐKKD số 0103015199 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2006 Giấy phép hoạt động số 46/UBCK –GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006
Tháng 07/2010	28.000.000	23.800.000	51.800.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu <ul style="list-style-type: none"> Số lượng phát hành: 2.380.000 cổ phần Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Số lượng nhà đầu tư mua cổ phiếu: 7 	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 346/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 20/08/2010. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 115/NQ-ĐHĐCĐ/PSC ngày 22/7/2010. Nghị quyết Hội đồng quản trị TVB số 117/NQ-HĐQT/TVB ngày 26/07/2010.
Tháng 08/2010	51.800.000	44.200.000	96.000.000	Phát hành riêng lẻ <ul style="list-style-type: none"> Số lượng phát hành: 4.420.000 cổ phần Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Số lượng nhà đầu tư mua cổ 	<ul style="list-style-type: none"> Giấy phép điều chỉnh giấy thành và hoạt động Công ty chứng khoán số 351/UBCK- GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 27/09/2010 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 115/NQ-ĐHĐCĐ/PSC ngày 22/7/2010. Nghị quyết Hội đồng quản trị TVB số 118/NQ-

				phiếu: 18	HDQT/TVB ngày 31/08/2010
Tháng 05/2017	96.000.000	54.200.000	150.200.000	Phát hành riêng lẻ - Số lượng phát hành: 5.420.000 cổ phần - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng nhà đầu tư mua cổ phiếu: 03	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 1289/UBCK-QLKD do Vụ quản lý kinh doanh của UBCKNN cấp ngày 14/3/2017 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 20/01/2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2016. - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2017/NQ-HĐQT/TVB ngày 17/05/2017 - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 20/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2017 của Chủ tịch UBCKNN.
Tháng 08/2018	150.200.000	11.715.600	161.915.600	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 1.171.560 cổ phần. - Tỷ lệ trả cổ tức: 7,8%	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/03/2018. - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2018/NQ-HĐQT/TVB ngày 22/03/2018 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017. - Công văn số 2990/UBCK-QLKD của Vụ Quản lý kinh doanh cấp ngày 11/05/2018. - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 61/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2018 của UBCKNN.
Tháng	161.915.600	80.957.800	242.873.400	Phát hành cổ phiếu chào bán cho	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số



02/2019		<p>cổ đông hiện hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chào bán: 2:1 - Số lượng cổ phiếu phát hành: 8.095.780 cổ phiếu - Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phiếu 	<p>01/2019/NQ-DHĐCĐ/TVB ngày 20/09/2018</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2019/NQ-HĐQT/TVB ngày 21/09/2018 về việc điều chỉnh giá phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và bổ sung hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2019/NQ-HĐQT/TVB ngày 26/02/2019 về phân phối lại cổ phiếu không chào bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2:1 - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 42/2019/BC-TV B ngày 26/02/2019 - Công văn số 1349/UBCK-QLKD ngày 01/03/2019 của Ủy ban chứng khoán nhà nước xác nhận kết quả chào bán cổ phiếu. - Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2019 của UBCKNN
---------	--	---	--

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Giới thiệu các dịch vụ và hoạt động kinh doanh chính của Công ty

❖ Dịch vụ môi giới, và tư vấn đầu tư

Môi giới chứng khoán: Với đội ngũ nhân viên môi giới chuyên nghiệp, trung thực, giàu kinh nghiệm và am hiểu thị trường, Công ty cung cấp cho khách hàng những thông tin thị trường chính xác nhất, hỗ trợ khách hàng trong việc phân tích thị trường, phân tích ngành và đánh giá xu hướng của thị trường để khách hàng đưa ra những quyết định đầu tư tốt nhất phù hợp với mục tiêu và khả năng chấp nhận rủi ro và năng lực tài chính của từng khách hàng.

Ngoài ra, Công ty đã tận dụng và kết hợp đổi đa giữa con người và công nghệ, cung cấp cho khách hàng các phương thức đặt lệnh đơn giản và thuận tiện như: (1) Đặt lệnh giao dịch trực tiếp: Khách hàng điền các thông tin vào phiếu lệnh và gửi trực tiếp cho nhân viên phòng môi giới tại sàn giao dịch của Công ty; (2) Đặt lệnh giao dịch trực tuyến qua Internet thông qua phần mềm giao dịch Flex với độ bảo mật cao; (3) Đặt lệnh giao dịch qua điện thoại.

Dịch vụ tư vấn đầu tư: Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, nhạy bén, giàu kinh nghiệm thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, cùng sự hỗ trợ của các báo cáo phân tích chất lượng của Phòng Tư vấn đầu tư, Công ty cung cấp cho khách hàng dịch vụ tư vấn tốt nhất với thông tin cập nhật mới nhất về biến động của thị trường và của từng cổ phiếu. Dịch vụ giúp cho khách hàng có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về cơ hội đầu tư, nhằm hỗ trợ tích cực cho khách hàng trong việc ra các quyết định đầu tư phù hợp với bối cảnh và diễn biến thị trường và khả năng chấp nhận rủi ro của từng khách hàng.

Khách hàng có thể trao đổi và thảo luận trực tiếp với các chuyên gia của Công ty về đánh giá, nhận định thị trường, biến động của cổ phiếu, và được chia sẻ quan điểm cá nhân với chuyên viên môi giới, chuyên gia phân tích của Công ty ngay trong phiên giao dịch thông qua điện thoại, skype để kịp thời hỗ trợ khách hàng trong việc ra quyết định đầu tư.

❖ Dịch vụ chứng khoán

Lưu ký chứng khoán: Công ty là thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Công ty cung cấp đầy đủ các dịch vụ về lưu ký chứng khoán. Với dịch vụ này, Công ty cam kết quản lý tài khoản của khách hàng một cách an toàn, bảo mật, thực hiện lưu ký với thời gian nhanh chóng.

Quản lý sổ cổ đông: Với hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu hiện đại, phần mềm quản lý chuyên nghiệp, quy trình đơn giản, thuận tiện cho khách hàng. Công ty cung cấp dịch vụ quản lý cổ đông cho các doanh nghiệp và giúp thực hiện các quyền có liên quan của người sở hữu chứng khoán bao gồm:

- Quyền nhận cổ tức bằng tiền, cổ phiếu.
- Quyền nhận cổ phiếu thưởng.
- Quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi.
- Quyền biểu quyết tại đại hội cổ đông.

- Quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi.

Dịch vụ giao dịch trực tuyến qua hệ thống Flex: Công ty mới hoàn thành nâng cấp hệ thống phần mềm lõi giao dịch chứng khoán Flex vào tháng 05/2018 và nâng cấp trang thông tin điện tử với giao diện thân thiện, nội dung phong phú và khả năng truy cập nhanh, đảm bảo việc truyền tải thông tin tới khách hàng một cách đầy đủ, kịp thời. Dịch vụ giao dịch trực tuyến Flex: là dịch vụ giao dịch trực tuyến tối ưu với độ bảo mật cao, cho phép khách hàng có thể theo dõi được thông tin tài khoản và thực hiện các giao dịch chứng khoán mọi lúc mọi nơi bằng cách truy cập vào website: <https://trading.tvsc.vn>. Bên cạnh tính năng theo dõi thông tin, Flex còn hỗ trợ:

- Đặt lệnh giao dịch online dễ dàng, thuận tiện theo dõi tình trạng lệnh giao dịch.
- Kiểm tra kết quả giao dịch mua bán.
- Tra cứu lịch sử giao dịch tài khoản.
- Quản lý danh mục đầu tư theo giá thị trường.
- Thực hiện chuyển tiền ra tài khoản ngân hàng.
- Ứng trước tiền bán trực tuyến.
- Sử dụng biểu đồ phân tích với nhiều tính năng hỗ trợ... và nhiều tính năng vượt trội khác.

❖ **Dịch vụ ủy thác quản lý tài khoản**

Dịch vụ ủy thác quản lý tài khoản là gói dịch vụ Công ty cung cấp để quản lý tài khoản chứng khoán cho khách hàng cá nhân mở tại Công ty. Dịch vụ này hướng tới các đối tượng khách hàng không có thời gian bám sát thị trường mà vẫn có thể đầu tư hiệu quả vào thị trường chứng khoán Việt Nam và đem đến cơ hội cho những nhà đầu tư chưa có nhiều kinh nghiệm trên thị trường.

❖ **Dịch vụ Hỗ trợ**

Với nền tảng tài chính vững chắc Công ty luôn đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đối tác và khách hàng bằng dịch vụ hỗ trợ tài chính.

- Cho vay giao dịch ký quỹ (margin): Nhằm định hướng tới việc hỗ trợ thu xếp vốn ngắn hạn cho những nhà đầu tư lớn của doanh nghiệp hoặc lãnh đạo doanh nghiệp, các nhà đầu tư mở tài khoản tại TVB và để tận dụng nguồn tài chính vững mạnh, TVB đã đăng ký thêm ngành nghề cho vay giao dịch ký quỹ và đã được chấp thuận theo Công văn số 3978/UBCK-QLKD ngày 14/06/2017 của Vụ Quản lý kinh doanh chứng khoán. Hiện tại, TVB đáp ứng tốt nhất nhu cầu vay vốn giao dịch ký quỹ của khách hàng với lãi suất hấp dẫn, danh mục cổ phiếu cho vay đa dạng.....
- Ứng trước tiền bán chứng khoán: TVB cung cấp cho khách hàng thông qua các dịch vụ chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán một cách nhanh chóng thông qua các kênh: tại quầy giao dịch, qua điện thoại, trực tuyến qua phần mềm onlinetrading của TVB. Lãi suất ứng trước của TVB rất hấp dẫn và đặc biệt không giới hạn số tiền ứng trước.

❖ **Dịch vụ Ngân hàng đầu tư.**

Với đội ngũ chuyên gia tư vấn có nền tảng kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm chuyên môn đa dạng trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng và kế toán, thông hiểu những vấn đề mà các

doanh nghiệp đang gặp phải, cùng với hiểu biết và kinh nghiệm về môi trường luật pháp trong nước và thông lệ quốc tế, Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt cung cấp các sản phẩm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư có chất lượng như:

Dịch vụ thị trường vốn: Công ty hiện đang cung cấp dịch vụ như tư vấn cổ phần hóa, tư vấn bán thoái tiếp phần vốn nhà nước, tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, tư vấn niêm yết cổ phiếu, tư vấn tìm kiếm đối tác chiến lược.

Dịch vụ thị trường nợ: Công ty hiện đang cung cấp dịch vụ tài chính liên quan đến thị trường nợ như tư vấn phát hành trái phiếu, niêm yết trái phiếu, tư vấn tìm kiếm và thu xếp nguồn huy động vốn.

Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và xác định giá trị doanh nghiệp: Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và xác định giá trị doanh nghiệp được Công ty cung cấp cho khách hàng với mục đích hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình tham gia vào thị trường tài chính. Những dịch vụ này giúp cho doanh nghiệp nâng cao tính chuyên nghiệp và minh bạch, phục vụ cho mục tiêu phát triển dài hạn của doanh nghiệp cũng như thuận lợi hơn khi tham gia vào thị trường tài chính.

Dịch vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A): Trên cơ sở nắm bắt được nhu cầu của khách hàng, Dịch vụ tư vấn M&A của Công ty cung cấp cho khách hàng rất phong phú và khép kín nhằm đáp ứng được yêu cầu của các bên trong hoạt động mua bán sáp nhập gồm xây dựng kế hoạch và phương án mua bán, sáp nhập, tham gia đàm phán tìm kiếm đối tác phù hợp, hỗ trợ tư vấn chiến lược sau giai đoạn mua bán, sáp nhập....

Dịch vụ tuân thủ: Nắm bắt được nhu cầu của doanh nghiệp xuất phát từ những khó khăn trong việc tuân thủ các quy định trên thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Công ty còn đảm nhận tư vấn cho khách hàng các vấn đề liên quan đến nội dung cần tuân thủ, đảm bảo tính chính xác theo quy định của pháp luật. Các dịch vụ Công ty triển khai tư vấn gồm tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông, tư vấn xây dựng, chỉnh sửa điều lệ, tư vấn đăng ký Công ty đại chúng, tư vấn công bố thông tin, tư vấn lập báo cáo thường niên, tư vấn quan hệ nhà đầu tư....

❖ Hoạt động tự doanh chứng khoán

Hoạt động Đầu tư tự doanh được định hướng là hoạt động nòng cốt của Công ty trong thời gian tới bên cạnh Môi giới chứng khoán. Hoạt động tự doanh của Công ty trong thời gian tới được thực hiện với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán 1:1 và nguồn vốn khác của Công ty trên cơ sở tuân thủ triệt để các nguyên tắc không xung đột lợi ích với khách hàng và không ảnh hưởng đến dịch vụ hỗ trợ tài chính dành cho khách hàng.

Công ty lựa chọn mua và nắm giữ cổ phiếu dài hạn, đầu tư vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp lớn và tính thanh khoản nao. Đồng thời sẽ cân đối giữa nhu cầu đầu tư tự doanh và nguồn vốn hành cho hỗ trợ khách hàng ứng trước tiền bán và cho vay giao dịch ký quỹ (Cho vay margin).

7.2. Báo cáo tình hình hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành

7.2.1. Tình hình thực hiện của các hoạt động kinh doanh chính

✦ Hoạt động môi giới

Stt	Chỉ tiêu		Năm 2017	Năm 2018	% tăng, giảm
1	Số lượng tài khoản khách hàng		5.453	6.795	24,61%
1.1	Số lượng tài khoản khách hàng mở mới		547	1.459	166,73%
1.2	Số lượng tài khoản khách hàng hiện có		5.453	6.795	24,61%
-	<i>Trong nước</i>	<i>Tổ chức</i>	22	29	31,82%
		<i>Cá nhân</i>	5.425	6.758	24,57%
-	<i>Nước ngoài</i>	<i>Tổ chức</i>	-	1	-
		<i>Cá nhân</i>	6	7	16,67%
2	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)		9.311,59	10.313,65	10,76%
3	Thị phần (%)		0,106%	0,633%	497,17%
-	Toàn thị trường				
		Hose	0,397%	0,547%	37,78%
		Hnx	0,173%	1,347%	678,61%
		Upcom	0,025%	0,372%	1388,00%

Hoạt động môi giới chứng khoán có sự tăng trưởng tốt qua các năm. Các chỉ tiêu về số lượng tài khoản của khách hàng, giá trị giao dịch và thị phần môi giới năm 2017 tăng so với năm 2016.

➤ Phát triển khách hàng

Kết thúc năm 2017, Công ty có 5.453 tài khoản, số tài khoản mở mới đạt 547 tài khoản. Trong đó cơ cấu khách hàng chiếm đa số là khách hàng cá nhân trong nước với 4.425 tài khoản, 22 tài khoản tổ chức trong nước, 0 tài khoản tổ chức nước ngoài và 6 tài khoản cá nhân nước ngoài.

Sang năm 2018, Công ty phát triển được 1.459 tài khoản mở mới, nâng tổng số tài khoản của khách hàng lên 6.795 tài khoản. Trong đó có 29 tài khoản tổ chức trong nước và 6.758 tài khoản cá nhân trong nước và 1 tài khoản tổ chức nước ngoài và 7 tài khoản nhà đầu tư cá nhân nước ngoài

➤ Giá trị giao dịch hoạt động môi giới

Giá trị giao dịch qua Công ty trong năm 2017 là 9.311,59 tỷ đồng. Sang năm 2018, nhờ sự tăng trưởng của chỉ số VN-Index kết hợp với thanh khoản gia tăng tích cực của thị trường chứng khoán đã giúp cho giá trị giao dịch của Công ty cải thiện đáng kể. Giá trị giao dịch của Công ty đạt 10.313,65 tỷ đồng, tăng 10,76% so với năm 2017.

➤ Thị phần môi giới

Thị phần môi giới của Công ty trong năm 2018 như sau:

- Thị phần sàn HSX năm 2018 là 0,547%

- Thị phần sàn HNX năm 2018 là 1,347%
- Thị phần sàn Upcom năm 2018 0,372%

✦ Hoạt động tư vấn tài chính

Hoạt động tư vấn tài chính bao gồm các dịch vụ liên quan đến dịch vụ thị trường vốn và nợ, tái cấu trúc, dịch vụ tuân thủ, mua bán sáp nhập doanh nghiệp... Giai đoạn Năm 2017 Công ty không ghi nhận doanh thu hoạt động tư vấn tài chính do các hợp đồng chưa được thực hiện xong. Năm 2018 Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính là 447,27 triệu

✦ Hoạt động dịch vụ chứng khoán

Hoạt động dịch vụ chứng khoán bao gồm các dịch vụ ứng trước, dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ, lưu ký chứng khoán, cầm cố, quản lý sổ cổ đông. Doanh thu từ hoạt động này trong năm 2018 được hơn 15,91 tỷ. Trong năm 2019 và các năm tới dự Công ty sẽ đẩy mạnh các dịch vụ này và kỳ vọng sẽ mang lại doanh thu lớn và là nguồn mang lại doanh thu chủ lực cho Công ty bên cạnh doanh thu môi giới.

7.2.2. Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		3 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3.537.393	14,46	15.280.384	38,74	5.421.332	48,50
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	678	-	579	-	98	-
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	19.289.713	78,83	20.576.836	52,17	5.154.121	46,11
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đạo lý phát hành chứng khoán	-	-	25.000	0,06	-	-
Doanh thu từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư	603.029	2,46	1.826.540	4,63	296.863	2,66
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	646.234	2,64	631.939	1,60	138.254	1,24
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	-	447.272	1,13	-	-
Thu nhập hoạt động khác	392.000	1,60	651.538	1,65	167.812	1,50
Tổng cộng doanh thu thuần	24.469.050	100,00	39.440.091	100,00	11.178.483	100,00

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I/2019 Công ty tự lập)

Trong năm 2017 và 2018, doanh thu hoạt động môi giới của Công ty vẫn ổn định và là nguồn thu chủ yếu của Công ty. Doanh thu môi giới năm 2018 là 20,57 tỷ chiếm 52,17% tổng doanh thu của Công ty. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu là 15,28 tỷ tăng 331,97% so với năm 2017 và chiếm 38,74% tổng doanh thu trong năm của Công ty. Ngoài ra, các doanh thu khác của Công ty như doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính đều có tăng trưởng trong năm. Tổng doanh thu năm 2018 của Công ty tăng mạnh với tỷ lệ giảm 61,18% so với năm 2017, Khoản này chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Trong 03 tháng đầu năm 2019, doanh thu của Công ty đạt 11,17 tỷ tăng 37,72% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 9,16% so với kế hoạch năm 2018. Doanh thu quý I/2019 mới đạt khoảng 1/10 kế hoạch là do theo chu kỳ kinh doanh quý I/2019 vướng vào tết âm lịch và có nhiều ngày nghỉ nên doanh thu giảm so với các quý khác, cùng với đó cuối quý I/2019 Công ty với hoàn tất tăng vốn lên hơn 242 tỷ nên số vốn mới chưa kịp tác động vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty vẫn tin tưởng đạt được kế hoạch kinh doanh Đại hội đề ra.

Trong năm 2019 Công ty đẩy mạnh hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (Cho vay margin) nên lãi từ các khoản cho vay và phải thu 3 tháng đầu năm 2019 tăng mạnh lên 5,42 tỷ đồng chiếm 48,5% tổng doanh thu thuần của Công ty.

7.2.3. Lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/giảm năm 2018/2017	3 tháng đầu năm 2019
Doanh thu hoạt động	24.469.050	39.440.091	61,18	11.178.483
Chi phí hoạt động	8.400.895	11.664.040	38,84	3.535.931
Lợi nhuận gộp	16.068.155	27.776.051	72,86	7.642.552
Doanh thu hoạt động tài chính	2.313.322	1.251.250	-45,91	231.300
Chi phí hoạt động tài chính	2.461.473	3.799.364	54,35	2.274.516
Tỷ lệ lợi nhuận gộp/Doanh thu hoạt động	65,67%	70,43%	7,25	68,37%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I/2019 Công ty tự lập)

Doanh thu hoạt động của Công ty năm 2018 tăng 61,18% so với năm 2017 chủ yếu đến từ khoản lãi các hoạt động cho vay và phải thu (lãi từ hoạt động cho vay margin và dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán) tăng từ 3,53 tỷ năm 2017 lên 15,28 tỷ năm 2018. Lãi từ các hoạt động cho vay và phải thu năm 2018 tăng mạnh so với năm 2017 là do đến tháng 06/2017 Công ty mới được UBCKNN chấp thuận cho Công ty cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ theo công văn số

3978/UBCK-QLKD ngày 14/06/2017 nên hoạt động cho vay margin này chưa tác động nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.

Danh thu hoạt động năm 2018 của Công ty tăng mạnh trong khi chi phí hoạt động chỉ tăng 38,84% so với năm 2017 dẫn đến lợi nhuận gộp của Công ty cũng tăng mạnh từ 16,06 tỷ năm 2017 lên 27,77 tỷ năm 2018 tương đương mức tăng 72,86%. Chi phí hoạt động của Công ty tăng chủ yếu là do Công ty thay đổi chính sách hoa hồng môi giới dẫn đến chi phí tăng.

Doanh thu 3 tháng đầu năm 2019 của Công ty tăng 37,72% so với cùng kỳ năm ngoái từ mức 8,17 tỷ 3 tháng đầu năm 2018 lên 11,17 tỷ 3 tháng đầu năm 2019. Doanh thu tăng tuy nhiên chi phí của Công ty chỉ tăng nhẹ. Chi phí hoạt động 3 tháng đầu năm 2019 của Công ty là 3,53 tỷ nên lợi nhuận gộp của Công ty đạt 7,64 tỷ tăng 42,46% so với cùng kỳ năm ngoái.

7.2.4. Chi phí hoạt động

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		3 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Chi phí hoạt động	8.400.895	34,33	11.664.040	29,57	3.535.931	31,63
Chi phí tài chính	2.461.473	10,06	3.799.364	9,63	2.274.516	20,35
Chi phí quản lý CTCK	6.726.316	27,49	9.891.579	25,08	2.973.468	26,60
Chi phí khác	488.874	2	6.760	0,02	-	-
Tổng cộng	18.077.558	73,88	25.354.983	64,29	8.783.915	78,58

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I/2019 Công ty tự lập)

Trong năm 2018, chi phí của Công ty tăng với năm 2017 tuy nhiên tổng chi phí trên doanh thu thuần lại giảm từ 73,88% trên doanh thu thuần năm 2017 xuống còn 64,29% trên doanh thu thuần năm 2018. Với mục tiêu tăng quy mô và thúc đẩy hoạt động môi giới nên năm 2018 Công ty thay đổi chính sách hoa hồng cho nhân viên môi giới dẫn đến chi phí hoạt động Công ty tăng chiếm 9,63% Doanh thu thuần. Ngoài ra các tỷ lệ chi phí khác như chi phí tài chính, chi phí quản lý Công ty trên tổng doanh thu thuần đều giảm so với năm 2017 và chiếm lần lượt tỷ lệ 9,63% và 25,08% so với doanh thu thuần.

Chi phí tài chính của Công ty tăng từ mức 2,46 tỷ năm 2017 lên 3,79 tỷ năm 2018 là do giữa năm 2018 Công ty tiến hành phát hành trái phiếu Tcorp3 với giá trị là 100 tỷ trong đó đợt 1 phát hành tháng 07/2018 phát hành 50 tỷ trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi.

7.3. Hoạt động Marketing

Đề quảng bá hình ảnh của Công ty đến với khách hàng là cá nhân hay tổ chức, TVB đã thực hiện nhiều hoạt động PR thương hiệu cũng như IR cổ phiếu của Công ty như:

- Sử dụng website của TVB và của Công ty mẹ - TVC như một kênh truyền thông hữu hiệu với những tin tức thị trường được cập nhật, những thông tin được công bố đầy đủ;
- Tổ chức các hoạt động để truyền thông bên ngoài lẫn truyền thông nội bộ như tổ chức các buổi hội thảo nhận định và khuyến nghị đầu tư chứng khoán tại Công ty thông qua thư mời các Nhà đầu tư cũng như tạo điều kiện cho toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty tham gia hoạt động hàng tuần;
- Thông qua việc tổng kết các hoạt động năm cũ, du xuân chào đón năm mới để truyền thông hình ảnh của Công ty đến toàn bộ cán bộ nhân viên cũng như các khách hàng thân thiết, khách hàng danh dự của Công ty, của tập đoàn;
- Tham gia quảng bá, giới thiệu về đầu tư và thị trường chứng khoán nhằm gia tăng sự hiểu biết của công chúng;
- Soạn thảo các thư giới thiệu dịch vụ và gửi cho các khách hàng tiềm năng, một mặt là để tiến tới ký kết hợp đồng, mặt khác cũng là để truyền thông cho hình ảnh và giới thiệu về những sản phẩm dịch vụ tiện ích của Công ty đến được với nhiều khách hàng hơn;
- Tổ chức các chương trình từ thiện, đặt hòm từ thiện tại Công ty nhằm chia sẻ với cộng đồng những giá trị tốt đẹp, cũng như tạo nên hình ảnh TVB hoạt động vì xã hội theo đúng như giá trị cốt lõi mà Công ty đã đề ra.

7.4. Nhân hiệu thương mại

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt



Nhằm tăng độ nhận diện thương hiệu, hiện tại Công ty đang sử dụng chung thương hiệu với Công ty mẹ - Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt.

Chữ T nổi bật là viết tắt cho Trí Việt, thể hiện rõ giá trị cốt lõi của thương hiệu Công ty được gây dựng nên từ trí tuệ của đội ngũ Ban lãnh đạo cũng như cán bộ công nhân viên.

CORP chính là viết tắt của Corporation có nghĩa là công ty cổ phần – thể hiện rõ hình thái tổ chức và hoạt động của Công ty, của tập đoàn.

SINCE 2006 cho thấy bề dày lịch sử hoạt động của TVB. Công ty đã được thành lập khi thị trường chứng khoán Việt Nam thực sự đi vào hoạt động và bắt đầu khởi sắc vào năm 2006. Mặc dù phải đối chọi với khủng hoảng năm 2008, công ty đã hồi phục và phát triển mạnh mẽ cho đến ngày nay.

Slogan: Trí tuệ tạo dựng niềm tin

Nêu bật lên giá trị cốt lõi hoạt động của Công ty là dựa trên yếu tố con người. TVB coi trọng trình độ lẫn tư cách của cán bộ từ khi chúng tôi tuyển dụng cũng như hoàn thiện các quy trình

đạo tạo để ngày một nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự của công ty. TVB trao cho khách hàng tri tuệ của chúng tôi để đổi lại niềm tin và sự hài lòng, đảm bảo sự phát triển và lợi ích của cả hai bên.

7.5. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Nội dung	Thời gian thực hiện	Thời điểm thanh lý hợp đồng	Số tiền
I. Hợp đồng tư vấn chào bán						
1	HDDV tư vấn phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng số 028/2018/TVB.TVDN	Công ty cổ phần City Auto	Tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng	Từ tháng 8/2018	02/2019	275.000.000
2	Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/2018/TVB.DIC	Công ty cổ phần Dic Intracon	Tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng	Từ 2018	Đang triển khai	330.000.000
3	Hợp đồng tư vấn phát hành chào bán ra công chúng số 2404/2019/TVDN	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	Tư vấn chào bán chứng khoán ra công chúng	Từ 04/2019	Đang triển khai	275.000.000
4	Hợp đồng tư vấn phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu số 2003A/2019/HĐTV/TVB-CTF	Công ty cổ phần City Auto	Tư vấn phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu	Từ 03/2019	Đang triển khai	60.000.000
II. Hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn khác						

1	Hợp đồng tư vấn quản trị Công ty Đại chúng số 2003B/2019/H ĐTV/TVB-CTF	Công ty cổ phần City Auto	Tư vấn quản trị Công ty đại chúng và công bố thông tin	Từ năm 03/2019	Đang triển khai	80.000.000
2	Hợp đồng Đại lý giao dịch cổ phiếu quỹ số 1403/2019/TVB.TVDN	Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản yên Bái	Đại lý giao dịch cổ phiếu quỹ	Từ 03/2019	Đang triển khai	33.000.000
3	Hợp đồng tư vấn quản trị Công ty Đại chúng số 3009/2018/HĐTV/TVB.TVDN	Công ty cổ phần Nhôm Sông Hồng	Tư vấn công bố thông tin	Từ 09/2018	Đang triển khai	88.000.000
4	Hợp đồng Đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp	Công ty cổ phần Đầu tư HVA	Đại lý phát hành trái phiếu	Từ 03/2019 12/2018		33.000.000
III. Hợp đồng tư vấn niêm yết						
1	HĐ Tư vấn niêm yết số 01/2017/TVSC.TVDN	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Phát	Tư vấn niêm yết	19/07/2017	03/2018	88.000.000
2	Hợp đồng Dịch vụ tư vấn số 02.03/2018/TVB.TVSC	Công ty cổ phần Thẻ dực Thẻ Thao Việt Nam	Tư vấn đăng ký giao dịch Upcom	02/03/2018	Đang triển khai	99.000.000
3	Hợp đồng Tư vấn niêm yết số 1505/2018/	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ An Thành	Tư vấn niêm yết	Tháng 5/2018	Đang triển khai	110.000.000

	TVB.TVDN					
4	Hợp đồng tư vấn tái cấu trúc số 1411/2018/TVB.QM	Công ty cổ phần Quang Minh	Tư vấn tái cấu trúc	Tháng 11/2018	Đang triển khai	275.000.000
5	Hợp đồng tư vấn niêm yết số 2810/2018/TVB.APT	Công ty cổ phần APT Holdings	Tư vấn niêm yết	Tháng 10/2018	Đang triển khai	220.000.000
6	Hợp đồng tư vấn niêm yết số 512A/2018/TVB.LBM	Công ty cổ phần Lê Bảo Minh	Tư vấn niêm yết	12/2018	Đang triển khai	330.000.000
7	Hợp đồng tư vấn số 512B/2018/TVB.LBM	Công ty cổ phần Thương mại TQT	Tư vấn đăng ký Công ty Đại chúng	Từ 12/2018	Đang triển khai	200.000.000
8	Hợp đồng tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp số 2603/2019/TVB-TQT	Công ty cổ phần Quảng Thành	Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp	Từ 03/2019	Đang triển khai	165.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt)

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai (02) năm gần nhất

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm năm 2018/2017	3 tháng đầu năm 2019
Tổng giá trị tài sản	194.402.219	258.820.603	33,14	394.403.737
Vốn chủ sở hữu	163.892.855	183.901.510	12,21	286.314.311
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	24.469.050	39.440.091	61,18	11.178.483
Lợi nhuận từ hoạt động kinh	9.193.687	15.336.358	66,81	2.625.867

doanh				
Lợi nhuận khác	7.259.836	9.686.815	33,43	4.026.974
Lợi nhuận trước thuế	16.453.524	25.023.174	52,08	6.652.841
Lợi nhuận sau thuế	13.050.305	20.008.655	53,32	5.321.440
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	89,77%	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	9,82%	11,51%	17,21	2,26%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I/2019 Công ty tự lập)

Tổng tài sản của TVB tại thời điểm cuối năm 2018 đạt hơn 258,82 tỷ đồng, tăng 33,14% so với thời điểm cuối năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2018 Công ty phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi Tcorp3.

Năm 2018 thị trường chứng khoán có khởi sắc trong đầu năm và điều chỉnh giảm mạnh về cuối năm cùng với doanh thu từ lãi hoạt động cho vay margin tăng mạnh dẫn đến doanh thu thuần của TVB lại tăng 61,18%, từ 24,46 tỷ đồng lên 39,44 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận sau thuế cũng tăng lên 20 tỷ đồng so với con số 13,05 tỷ đồng năm 2017. Năm 2018, doanh thu hoạt động môi giới vẫn giữ ở mức ổn định đạt hơn 20 tỷ đồng tăng nhẹ so với năm 2017. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty đã quyết định sử dụng toàn bộ phần thặng dư vốn cổ phần hiện có và lợi nhuận sau thuế để lại để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 7% sau khi Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thị trường chứng khoán Việt Nam biến động mạnh trong năm 2018:

Năm 2018 là một năm đầy biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Vào phiên 09/04/2018 VN-Index chạm đỉnh 1.2014,3 điểm, thị trường cực kỳ hưng phấn. Tuy nhiên, 03 lần tăng lãi suất của FED cùng hành động leo thang của Mỹ trong cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng mạnh đến dòng vốn vào thị trường chứng khoán toàn cầu. Bắt đầu từ Trung Quốc, sau đó đến Mỹ giảm điểm mạnh đã ảnh hưởng đến TTCK Việt Nam. Thống kê cho thấy có 7 phiên trong năm TTCK Việt Nam giảm hơn 3% trong đó có phiên giảm hơn 5%. Mức thấp nhất thiết lập trong năm là 880,85 điểm ngày 30/10.

Tại thời điểm phiên 28/12/2018, Vn-Index giảm hơn 10,37% so với đầu năm và là một trong những thị trường có mức giảm điểm mạnh nhất trên thế giới.

Chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung quốc: Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc nổ ra trong bối cảnh thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc liên tục gia tăng mạnh trong các năm và lên tới 375 tỷ đô la trong năm 2017 bắt đầu từ việc Mỹ áp thuế nhập khẩu lên các mặt hàng sản phẩm máy móc và năng lượng từ Trung Quốc và ngay sau đó Trung Quốc có hành động đáp trả. Cuộc chiến tranh thương mại không ngừng giữa hai bên và tiếp tục

cao trào kéo theo thị trường chứng khoán toàn cầu, chứng khoán Châu Á và thị trường chứng khoán Việt Nam giảm điểm mạnh và làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của các nhà đầu tư.

Thị trường chứng khoán phái sinh bùng nổ trong năm 2018: Thị trường chứng khoán phái sinh ra đời vào tháng 9/2017 nhưng phải đến giữa năm 2018 thị trường này mới bùng nổ cả về số lượng tài khoản mở mới và quy mô giao dịch. Khối lượng vị thế mở OI (mua và nắm giữ qua phiên sau) tăng liên tục kể từ tháng 4 và đạt 22.000 hợp đồng vào tháng 12/2018 cho thấy sức hấp dẫn và sự quan tâm của nhà đầu tư đối với thị trường chứng khoán phái sinh ngày càng tăng lên.

Tại thời điểm cuối tháng 11, số lượng tài khoản giao dịch phái sinh đạt 54.773 tài khoản, gấp 3,2 lần so với thời điểm cuối năm 2017. Có thời điểm thanh khoản trên thị trường phái sinh đạt hơn 14.000 tỷ đồng quy mô giao dịch (tương đương mức giao dịch thật một phiên hơn 1.400 tỷ đồng). Các diễn biến trên thị trường phái sinh đã tác động đáng kể đến thị trường cơ sở.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Vượt qua những khó khăn của sự phân chia thị phần giữa các Công ty chứng khoán, TVB đã xây dựng được giá trị lớn nhất chính là niềm tin của khách hàng được tạo dựng từ phong cách chuyên nghiệp, hiệu quả kinh tế và lợi ích cho nhà đầu tư mà Công ty đã gây dựng được từ khi hoạt động.

Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt có vốn điều lệ là 242.873.400.000 đồng ở mức trung bình so với các Công ty chứng khoán khác. Tuy nhiên, Công ty luôn sử dụng vốn của mình hiệu quả. Sắp tới Công ty triển khai kế hoạch tăng vốn để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh cũng như nâng tầm vị thế của mình trên thị trường so với các CTCK khác.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

✦ Triển vọng phát triển kinh tế

Ngân hàng Thế giới dự báo Việt Nam có triển vọng tăng trưởng tích cực trung hạn, tăng trưởng GDP năm 2019 dự kiến đạt mức 7,1%. Tuy nhiên, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2019 ở mức 6,8% thấp hơn mức dự báo của Ngân hàng thế giới. Đây là mục tiêu vừa phải và khá thận trọng sau khi đạt được mức tăng trưởng 7,08% năm 2018. Lạm phát năm 2019 được dự báo duy trì ở mức dưới 4%.

✦ Triển vọng ngành chứng khoán năm 2019

Thị trường chứng khoán trong năm 2019 được dự báo là diễn biến phức tạp tuy nhiên cũng xuất hiện nhiều cơ hội đầu tư không thể bỏ qua. Các yếu tố được dự báo tác động, chi phối sự biến động mạnh của thị trường chứng khoán trong năm 2019:

- Chiến tranh thương mại là vấn đề chính và quan trọng nhất chi phối chứng khoán toàn cầu cũng như tác động trực tiếp đến thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019. Nếu chiến tranh thương mại kéo dài sẽ tác động đến xuất nhập khẩu và dòng chảy thương mại toàn cầu bị xáo trộn. Trong ngắn hạn, một số nước trong đó có Việt Nam có

thể hưởng lợi từ chiến tranh thương mại do dòng vốn ngắn hạn dịch chuyển sang Việt Nam. Tuy nhiên xét về trung và dài hạn, tất cả các quốc gia có tổng kim ngạch xuất khẩu chiếm 200% GDP trong đó khoảng 45% kim ngạch xuất khẩu liên quan đến thị trường Trung Quốc và Mỹ như Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực do đa số các nước sẽ bắt đầu dựng các hàng rào thuế quan và phi thuế quan nhằm hạn chế hàng hóa các nước nhập khẩu vào thị trường nội địa.

- Fed và các ngân hàng trung ương tiếp tăng lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp và tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán. Việc tăng lãi suất nhằm hút dòng tiền lưu thông sẽ tác động tiêu cực đối với dòng tiền của các thị trường mới nổi, vốn phụ thuộc vào dòng vốn nhà đầu tư nước ngoài thông qua thị trường tiền tệ, trái phiếu và chứng khoán.

Ngoài những yếu tố có thể tác động, chi phối tạo nên những biến động phức tạp thì thị trường chứng khoán trong năm 2019 cũng dự báo xuất hiện nhiều cơ hội đầu tư. Cụ thể:

- Sự ổn định trong tăng trưởng kinh tế trong nước và bước chuyển mình sang lĩnh vực sản xuất giúp cho kinh tế chịu đựng tốt hơn với rủi ro và cũng tạo cơ hội cho việc phát triển bền vững và cất cánh trong tương lai theo đó tạo niềm tin cho nhà đầu tư và giúp cho thị trường chứng khoán tăng trưởng ổn định. Mức tăng trưởng GDP cao kỷ lục trong năm 2018 ở mức 7,08% trong 10 năm qua cho thấy nền tảng vững chắc của nền kinh tế Việt Nam trong sự biến chung của nền kinh tế toàn cầu và dự báo Việt Nam tiếp tục duy trì mức tăng trưởng kinh tế quanh 7% trong năm 2018.
- Định giá theo PE của Việt Nam so với các thị trường chứng khoán trong khu vực và MSCI-EM thì định giá thị trường đã về mức rẻ và hấp dẫn, theo đó chỉ số PE hiện tại đang dần tiệm cận về mức trung bình 10 năm tại mức 14,5 lần. Dựa vào yếu tố định giá này, đây là cơ hội tốt để đầu tư cổ phiếu và là cơ sở cho thị trường thăng hoa.

9.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Hiện nay, rất nhiều Công ty chứng khoán có ngành nghề hoạt động tương tự TVB đã niêm yết trên trên SGDCK Hà Nội và SGDCK TP. HCM, tuy nhiên Công ty lựa chọn 05 công ty chứng khoán không quá chênh lệch về quy mô để so sánh bao gồm: Công ty cổ phần Chứng khoán An Phát (APG), Công ty cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương (APS), Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS), Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) để so sánh các chỉ tiêu tài chính và hoạt động kinh doanh năm 2018.

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	APG	TVB	APS	WSS	PSI
Tổng tài sản	149,3	258,8	393,2	654,8	647,6
Vốn chủ sở hữu	145,4	183,9	377,7	592,1	612,9
Doanh thu thuần	16,6	39,4	169,4	91,6	99,7

LNST	7,2	20	1,9	44,9	5,3
ROS	43,37%	50,76%	1,12%	49,02%	5,32%
ROE	4,95%	10,88%	0,50%	7,58%	0,86%
ROA	4,82%	7,73%	0,48%	6,86%	0,82%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của các Công ty)

Nhìn chung, tuy hoạt động với quy mô vốn còn khá khiêm tốn so với các công ty chứng khoán đã niêm yết trên thị trường, tuy nhiên TVB luôn chú trọng quản lý hiệu quả chi phí cũng như tối ưu hóa doanh thu để có thể mang tỷ suất lợi nhuận cao nhất, bằng chứng là năm 2018 các chỉ tiêu sinh lời của Công ty vô cùng nổi bật so với các công ty trong cùng ngành.

Theo bảng số liệu trên có thể thấy, TVB với quy mô vốn nhỏ nhưng đã hoạt động sinh lời hiệu quả nhất. Trong năm 2019, Công ty cũng đề ra các kế hoạch tăng vốn và đã Đại hội đồng cổ đông và được chấp thuận, theo đó, trong năm 2019 - 2020 vốn chủ sở hữu của TVB sẽ được tăng lên đáng kể và được nâng lên ở mức tầm trung của thị trường. Lộ trình tăng vốn được đề ra nhằm tận dụng khả năng sinh lời mà chính sách đúng đắn của Công ty đã và đang triển khai, hứa hẹn những năm kinh doanh đạt kết quả ấn tượng.

9.4. Đánh giá về sự phù hợp với định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Chiến lược của Chính phủ Việt Nam là phát triển thị trường chứng khoán cả về quy mô và chất lượng nhằm tạo ra kênh huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển, góp phần phát triển thị trường tài chính Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế trong nước. Trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã thực sự hoàn tất về cơ bản giai đoạn minh bạch hóa chính sách và đang ở giai đoạn đàm phán rất quan trọng về mở cửa thị trường một cách toàn diện. TTCK Việt Nam nói chung và Công ty chứng khoán nói riêng đang đứng trước những cơ hội và thách thức.

Thị trường chứng khoán là “phong vũ biểu” phản ánh tức thì những biến động của phát triển kinh tế, những thay đổi trong chính sách lãi suất... Do đó, thị trường vốn nói chung và TTCK nói riêng trên thế giới và Việt Nam luôn luôn được chú trọng phát triển bền vững. Với định hướng đúng đắn và bề dày kinh nghiệm của Ban Lãnh đạo, TVB đã đề ra những chủ trương phù hợp với yêu cầu tất yếu của thị trường tạo nên đường lối phát triển, quy mô hoạt động, dịch vụ sản phẩm và trình độ công nghệ của TTCK trong nước và thế giới, nhằm tạo ra sức cạnh tranh với các công ty cùng ngành không chỉ trong nước mà còn trong khu vực. Định hướng phát triển của TVB là hoàn toàn phù hợp với chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Phù hợp về phương châm hoạt động: “Trí tuệ tạo dựng niềm tin” là tiêu chí hàng đầu được TVB đặt ra trong hoạt động cung ứng dịch vụ, sản phẩm cho khách hàng. Phương châm trên đã đáp ứng được tất cả những yêu cầu về hoạt động của một công ty chứng khoán đối với nhà đầu tư, bởi phương châm hoạt động của TVB đều đi đến mục tiêu cao nhất là có được sự hài lòng của khách hàng. Đặt khách hàng là trung tâm, TVB sẽ ngày càng nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ để đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng bằng chính trí tuệ của đội ngũ nhân sự Công

ty.

Phù hợp về quy mô hoạt động: Nhận thức rõ yêu cầu về vốn để đầu tư công nghệ, cơ sở hạ tầng và đầu tư nhân lực để có thể thành công và phát triển bền vững, TVB đã chú trọng quy mô vốn, đầu tư ngay từ thời điểm ban đầu về công nghệ hiện đại và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giỏi về chuyên môn. Và trước yêu cầu phát triển và cạnh tranh trong thời gian tới, TVB đã xây dựng kế hoạch tăng cường tiềm lực tài chính bằng các kế hoạch tăng vốn trong ngắn và dài hạn, đồng thời mở rộng mạng lưới hoạt động trong mọi bối cảnh thị trường. Sự đi tắt đón đầu này sẽ tạo điều kiện nâng cao sức cạnh tranh của TVB trong thời gian tới.

Phù hợp về dịch vụ sản phẩm: Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, TVB hiện đang từng bước triển khai cung ứng các sản phẩm dịch vụ mới, có chất lượng để đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước. Cùng với việc triển khai dịch vụ giao dịch từ xa, các hoạt động nghiên cứu và phân tích thị trường, phân tích ngành, phân tích doanh nghiệp đang được TVB nỗ lực đẩy mạnh. Với xu thế phát triển theo chiều sâu của TTCK trong thời gian tới, định hướng cung cấp các sản phẩm mới của TVB là hoàn toàn phù hợp.

Phù hợp về công nghệ: TVB đã xác định đầu tư và nâng cấp công nghệ là mấu chốt để có thể phát triển bền vững. Với sự tăng trưởng về quy mô của TTCK Việt Nam, nhu cầu của nhà đầu tư được dự báo ngày càng cao. Trên thực tế, phương thức giao dịch tại HOSE, HNX được thay đổi cho phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư và quan trọng hơn là tận dụng ưu thế của công nghệ thông tin để đưa thị trường vận hành theo hướng hiện đại. Hiện tại công nghệ của TVB hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu kết nối với hai sàn. Nhưng với mục tiêu phát triển dài hạn và tăng mạnh về quy mô, đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng, TVB sẽ chú trọng đầu tư và triển khai hệ thống công nghệ thông tin một cách toàn diện và đồng bộ.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số lao động trong Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt là 55 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Tiêu chí phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Phân theo trình độ chuyên môn	55	100%
- Đại học, trên đại học	55	100%
- Cao đẳng, Trung cấp	0	0%
- Trình độ khác	0	0
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	55	100%
- HĐLĐ không thời hạn	9	16,36%
- HĐLĐ có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	46	83,64%
- HĐLĐ dưới 12 tháng	0	0%

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt)

10.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, 05 ngày/tuần (Nghỉ thứ bảy và chủ nhật), nghỉ trưa 1 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện chế độ trợ cấp làm thêm giờ đúng quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Cán bộ nhân viên được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo nhân lực

Chính sách tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Chính sách đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Công ty tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ nhân viên tham dự các khoá đào tạo chuyên đề của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký tổ chức nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc. Hiện nay Công ty đang chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có bằng Đại học, sau Đại học... để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty.

❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù ngành và tình hình kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế của Công ty. Hàng năm công ty tiến hành điều chỉnh lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng cải thiện, tạo sự gắn kết lâu dài của CBCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao. Mức thu nhập bình quân năm 2018 của CBCNV trong công ty là 9.000.000

đồng.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức hình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, khen thưởng bằng việc được mua cổ phiếu ưu đãi của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật phù hợp với những cá nhân vi phạm nội quy của Công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động: Ngoài thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động. Cùng với đó để tạo sự thư giãn sau những ngày làm việc vất vả, tạo sự gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty, hàng năm vào các dịp lễ tết Công ty luôn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa các bộ phận. Đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức cho CBCNV và người thân trong gia đình đi du lịch, nghỉ mát. Cùng với đó nhằm tăng cường gắn kết của cán bộ công nhân viên với Công ty, đặc biệt là để tri ân những cán bộ, nhân viên giỏi, Công ty có chính sách khuyến khích người lao động tham gia mua cổ phần ESOP với giá ưu đãi....

11. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 13/03/2018 Công ty đã chi trả cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu cho cho cổ đông với tỷ lệ 7,8%. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 công ty sẽ sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và nguồn thặng dư vốn cổ phần để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 7%. Việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu được thực hiện sau khi

Công ty hoàn thành đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam

a. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi và bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Loại tài sản	Thời gian trích khấu hao
Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Tài sản cố định khác	04 năm
Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

b. Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019 (Dự kiến)
Lương bình quân	Đồng/người/tháng	9.000.000	9.500.000

Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

Đây là mức lương tương đương so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp trong ngành.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: Phải trả người bán, Phải trả công nhân viên, Phải trả phải nộp khác... được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc tính và nộp các khoản thuế phải nộp theo đúng quy định của pháp luật. Số dư các khoản thuế phải nộp qua các năm như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	11.754	38.498	17.389

Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.203.218	4.914.518	2.233.919
Thuế thu nhập cá nhân	1.146.484	1.470.218	1.518.534
- Thuế TNCN của người lao động	111.570	150.951	202.318
- Thuế TNCN chuyển nhượng CK	1.034.914	1.273.746	1.255.190
- Thuế TNCN khoán lãi trái phiếu	-	45.521	61.024
- Thuế TNCN từ đầu tư vốn	-	-	-
Tổng cộng	4.361.457	6.423.236	3.769.843

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I/2019)

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định Công ty chứng khoán sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lợi nhuận phải được phân phối như sau:

- Trích lập 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, khi số dư bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa.
- Trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp; Khi số dư quỹ bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa.
- Việc phân chia lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua việc trích lập các quỹ theo đúng quy định. Công ty luôn tuân thủ và thực hiện trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

f. Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
I	Vay và nợ ngắn hạn	24.297.152	9.900.000	14.900.550
1	Vay ngắn hạn BIDV	24.297.152	9.900.000	14.900.550
II	Vay và nợ dài hạn	-	34.400.000	84.400.000
1	Trái phiếu phát hành dài hạn	-	34.400.000	84.400.000
	Tổng cộng	53.899.000	44.300.000	99.300.550

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I/2019 do Công ty tự lập)

Tất cả các khoản nợ vay này đều là các khoản nợ trong hạn, không có nợ quá hạn. Khoản vay ngắn hạn phát sinh tại ngày 31/12/2018 là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà thành) để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty. TVB đã dùng hợp đồng tiền gửi tại BIDV Hà thành để làm tài sản đảm bảo

cho khoản vay này.

Ngày 05/07/2018, Công ty tiến hành phát hành đợt 1 trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt (Trái phiếu Tcorp3) với giá trị 50 tỷ đồng lãi suất 10.5%/năm kỳ hạn 24 tháng tính từ ngày 05/07/2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động cho vay margin của Công ty. Ngày 21/12/2018, Công ty tiến hành mua lại một phần trái phiếu Tcorp3 trước hạn với giá trị 15,6 tỷ đồng.

g. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	68.740.780	167.636.371	230.149.316
1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.165.214	1.535.728	2.043.007
2	Trả trước cho người bán	1.432.176	3.526.074	15.742.992
3	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	714.227	672.178	731.134
4	Các khoản phải thu khác	12.402.768	5.964.974	57.441.634
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.164.053)	(5.164.053)	(5.164.053)
6	Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán và giao dịch ký quỹ	58.190.448	161.101.470	159.354.602
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	68.740.780	167.636.371	230.149.316

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC quý I/2019 Công ty tự lập)

Các khoản phải thu trong năm 2018 của TVB giảm mạnh so với năm 2017 chứng tỏ Ban lãnh đạo đã chỉ đạo rất sát sao vấn đề này. Các khoản phải thu khác chiếm tỷ trọng lớn trong mục này nguyên nhân là do Công ty đặt cọc trước tiền cho các công ty bất động sản tìm kiếm bất động sản để làm trụ sở Công ty

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
I	Nợ ngắn hạn	30.509.364	40.519.092	23.689.426
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24.297.152	9.900.000	14.900.550
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	307.659	343.871	415.158

3	Phải trả người bán ngắn hạn	212.966	2.144.025	130.000
4	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	60.000	570.000	603.000
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.361.457	6.423.236	3.769.843
6	Phải trả người lao động	599.125	795.337	828.839
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	58.715	92.549	111.225
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	80.727	1.249.239	2.099.193
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	531.560	19.000.833	831.615
II	Nợ dài hạn	-	34.400.000	84.400.000
1	Trái phiếu phát hành dài hạn	-	34.400.000	84.400.000
	Tổng cộng	30.509.364	74.919.092	108.089.426

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và BCTC Quý I/2019 Công ty tự lập)

h. Tỷ lệ an toàn tài chính

Đơn vị tính: nghìn đồng

ST T	Các chỉ tiêu	Giá trị tại ngày 31/12/2017	Giá trị tại ngày 31/12/2018
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.508	4.285
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	9.036.782	8.724.392
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000	7.459.236
4	Tổng giá trị rủi ro	16.039.291	16.187.914
5	Vốn khả dụng	140.112.788	136.158.365
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	873,56%	841,11%

(Nguồn: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018 của TVB)

Theo quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính thì các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. TVB luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao đảm bảo được sự an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty, năm 2018 tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là hơn 800%,.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,97	5,24
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,77	2,91

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	15,69	28,94
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	18,62	40,73
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,14	0,11
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,12	0,08
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	53,33	50,73
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,8	10,88
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,3	7,73
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	37,6	26,17

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: TVB luôn duy trì một lượng lớn các tài sản tài chính với độ thanh khoản cao, đi kèm với đó là sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý với số lượng lớn là các khoản vay dài hạn để đảm bảo nguồn vốn lưu động cho công ty. Chính vì vậy, khả năng thanh toán của Công ty rất cao.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: TVB chủ yếu sử dụng nợ dài hạn nên sẽ không phải chịu áp lực trả nợ trong tương lai gần. Hơn nữa, Công ty vẫn hoạt động chủ yếu trên nguồn vốn tự có là chủ yếu cho nên vẫn có thể dễ dàng huy động tiền vay khi cần thiết.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời: Ban lãnh đạo công ty đã trực tiếp chỉ đạo và rất sát sao trong việc quản lý chi phí cũng như thận trọng triển khai các hoạt động nhằm mang lại hiệu suất sinh lời cao nhất cho Công ty. Với tình hình phát triển của thị trường hiện nay, Ban lãnh đạo hứa sẽ duy trì cũng như khiến cho các chỉ số này tăng lên trong các năm tới.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Stt	Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND/ CCCD/HC
I. Hội đồng quản trị				
1	Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	27/05/1979	011908409
2	Nguyễn Tiến Sơn	Phó chủ tịch HĐQT độc lập	07/10/1959	010459649
3	Nguyễn Thanh Duy	Thành viên HĐQT	30/12/1979	240655947

4	Nguyễn Đình Thành	Thành viên HĐQT độc lập	04/09/1976	017000285
5	Vũ Đình Hưng	Thành viên HĐQT	12/11/1979	013650333
6	Phan Lê Thành Long	Thành viên HĐQT độc lập	11/09/1979	B3885636
II. Ban kiểm soát				
1	Hán Công Khanh	Trưởng BKS	27/10/1975	012370829
2	Trần Thành Trung	Thành viên BKS	19/08/1979	011978630
3	Phạm Đức Minh	Thành viên BKS	11/11/1979	011852845
III. Ban Giám đốc				
1	Phạm Hồng Minh	Tổng Giám đốc	22/08/1979	012921914
2	Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc điều hành	01/07/1974	011663201
3	Nguyễn Thị Hồng Trung	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	24/10/1980	013652614
IV. Kế toán trưởng				
1	Nguyễn Thị Hồng Trung	Kế toán trưởng	24/10/1980	013652614

13.2. Tóm tắt sơ yếu lý lịch

❖ Ông Phạm Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Phạm Thanh Tùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 27/05/1979
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 011908409 do CA Hà Nội cấp ngày 24/09/2007
- Địa chỉ thường trú: Số 44, Tổ 9, Ngõ Đồng Tâm 3, Đồng Tâm, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 2005 → 2006	Học viện Ngân hàng	Giảng viên
Từ 2007 → 2009	Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư Trí Việt	Tổng giám đốc
Từ 2010 → 08/2010	Công ty CP Chứng Khoán Thái Bình Dương	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/2010 → 01/2017	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Chủ tịch HĐQT
Từ 07/2017 → Nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Chủ tịch HĐQT

Từ 07/2014 → 11/2016	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Quyền Tổng Giám đốc
Từ 11/2016 → 08/2018	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Tổng Giám đốc
Từ 2013 → Nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	Chủ tịch HĐQT
Từ 08/2018 → Nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	Tổng Giám đốc
Từ 2017 → Nay	Công ty cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trí Việt	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2019 → Nay	Công ty cổ phần Xếp hạng tín nhiệm Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt
 - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Tùng Trí Việt
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Bất động sản Trí Việt
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xếp hạng tín nhiệm Việt nam
- Số cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:
 - Bố Phạm Thành Trực sở hữu 1.078 cổ phần
 - Chị gái Phạm Thị Thanh Huyền 1.078 cổ phần
 - Em gái Phạm Thanh Hoa 1.078 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **Ông Nguyễn Tiến Sơn – Phó Chủ tịch HĐQT độc lập**

Họ và tên: : Nguyễn Tiến Sơn
 Ngày sinh: : 07/10/1959
 Giới tính: : Nam
 Nơi sinh: : Hà Nội
 Quốc tịch: : Việt Nam
 Số chứng minh nhân dân: : 010459649 do Công an Hà Nội cấp ngày

04/07/2007

Địa chỉ thường trú : 531A tổ 31, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 08/2018 → Nay	Công ty CP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	Thành viên HĐQT
Từ 04/2019 → Nay	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Phó Chủ tịch HĐQT độc lập

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT độc lập

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn quản lý Tài sản Trí Việt

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao HĐQT

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Nguyễn Thanh Duy – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên : Nguyễn Thanh Duy

Ngày sinh : 30/12/1979

Giới tính : Nam

Nơi sinh : Đắk Lắk

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 240655947 được CA Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2007

Địa chỉ thường trú : Xã Thống Nhất, Huyện Krongbuk, Đắk Lắk

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Công nghệ thông tin – ĐH Khoa học tự nhiên TPHCM

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 2005 → 2007	Công ty TNHH Nhân Thành Nhân	Nhân viên văn phòng

Từ 2008 → 2012	Báo Sài Gòn Đầu Tư Tài Chính	Phóng viên
Từ 04/2015 → nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao Hội đồng quản trị

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Nguyễn Đình Thành – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Họ và tên : Nguyễn Đình Thành

Ngày sinh : 04/09/1976

Giới tính : Nam

Nơi sinh : Bắc Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Số CMND : 017000285 được CA Hà Nội cấp ngày 21/03/2012

Địa chỉ thường trú : 51 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – Tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 1999 → 2002	Công ty Toyota Việt Nam	Kỹ sư dự án
Từ 2003 → 2005	Công ty Ford Việt Nam	Trưởng phòng dự án
Từ 2006 → 2008	Công ty Bảo hiểm dầu khí Việt Nam PVI	Trưởng phòng Đầu tư
Từ 2010 → 2012	Công ty cổ phần Đầu tư Phú Tín	Phó TGĐ
Từ 2012 → nay	Công ty cổ phần Đầu tư TMI Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2015 → nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư TMI Việt Nam

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ : Không
cổ phiếu của Công ty
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao Hội đồng quản trị
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của : Không
Công ty
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ **Ông Vũ Đình Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Vũ Đình Hưng
Ngày sinh : 12/11/1979
Giới tính : Nam
Nơi sinh : Tuyên Quang
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 013650333 do Công an thành phố Hà Nội cấp
ngày 01/06/2013.
Địa chỉ thường trú : P901 N07, B3 Đơn Nguyên II, phường Dịch Vọng
Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn :
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 2014 → 09/2017	Công ty cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2018 → nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức : Không
khác
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
cổ phiếu của Công ty
Các khoản nợ đối với Công ty : Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao Hội đồng quản trị
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của : Không
Công ty
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ **Ông Phan Lê Thành Long – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Họ và tên : Phan Lê Thành Long
Ngày sinh : 11/09/1979
Giới tính : Nam
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Số hộ chiếu: : B3885636 do cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 12/04/2010
Địa chỉ thường trú : T8-32-20 Times City, số 458 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ tài chính kế toán
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 08/2001 → 2006	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Kiểm toán viên cao cấp
Từ 2006 → 2015	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia	Phó Tổng Giám đốc
Từ 08/2015 → nay	Công ty TNHH OIA Global Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 7/2015 → nay	Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	Phó Tổng Giám đốc
Từ 05/2009 → nay	Hãng Tư vấn AFA Research & Education	Giám đốc
Từ 06/2014 → nay	Viện Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)	Giám đốc Văn phòng Việt Nam
Từ 03/2018 → nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác

- Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
- Giám đốc Hãng tư vấn AFA Research & Education
- Giám đốc Văn phòng Việt Nam Viện Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao Hội đồng quản trị

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ **Ông Phạm Hồng Minh – Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Phạm Hồng Minh
Ngày sinh : 22/08/1979
Giới tính : Nam
Nơi sinh : Thái Bình
Quốc tịch : Việt Nam
Số chứng minh nhân dân : 012921914 cấp ngày: 20/12/2006; Nơi cấp: Công an TP. Hà Nội
Địa chỉ thường trú : Tổ 25, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 2003 → 2006	Vinashin Finance	Chuyên viên Phòng Đầu tư
Từ 2007 → 2016	Công ty CP Chứng khoán Kim Long	Phó trưởng Ban Đầu tư
Từ 2016 → 11/2017	Công ty cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	Giám đốc Khối Đầu tư
Từ 11/2017 → 08/2018	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Giám đốc Khối Đầu tư
Từ 08/2018 → Nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 15.646 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Vợ Phùng Diệu Linh sở hữu 110.090 cổ phần chiếm 0,45% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương quản lý

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Nguyễn Trung Kiên – Giám đốc điều hành

Họ và tên : Nguyễn Trung Kiên
Ngày sinh : 01/07/1974
Giới tính : Nam
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Số chứng minh nhân dân : 011663201 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 02/05/2007
Địa chỉ thường trú : Số 107 – 17 Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 03/2997 → 02/2007	Cụm cảng Hàng không Miền Bắc	Đội trưởng
Từ 03/2007 → 07/2011	Công ty cổ phần Chứng khoán Việt Quốc	Trưởng Ban pháp chế
Từ 09/2011 → 11/2011	Công ty Tài chính Dệt May	Quản lý rủi ro
Từ 11/2011 → 04/2013	Công ty cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam	Phụ trách pháp chế
Từ 05/2013 → 07/2013	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ FPT	Trưởng ban pháp chế
Từ 01/2014 → 09/2014	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển công nghệ Quốc tế (IDT)	Trưởng Ban pháp chế
Từ 09/2014 → 03/2016	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen	Phụ trách Kiểm soát nội bộ
Từ 04/2016 → 03/2018	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Trưởng phòng Pháp chế
Từ 04/2018 → 01/2019	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Giám đốc Khối Kiểm soát tuân thủ
Từ 02/2019 → nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Giám đốc điều hành

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Giám đốc điều hành

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 22.000 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương quản lý
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Bà Nguyễn Thị Hồng Trung – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Thị Hồng Trung
Ngày sinh : 24/10/1980
Giới tính : Nữ
Nơi sinh : Hà Tĩnh
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 013652614 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/09/2013
Địa chỉ thường trú : Số 7, ngõ 409 Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 08/2003 → 06/2006	Công ty TNHH TM Phú Tiến	Kế toán viên
Từ 07/2006 → 12/2007	Ngân hàng TMCP Nam Việt- CN Hà Nội	Kiểm soát viên
Từ 01/2008 → 08/2010	Công ty CP Chứng khoán Stock Mart Việt Nam	Kế toán tổng hợp, Phó phòng kế toán
Từ 09/2010 → 08/2013	Công ty CP Chứng khoán Liên Việt - Hội sở chính	Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng
Từ 09/2013 → 09/2016	Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt	Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Từ 09/2016 → nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng
Từ 02/2019 → Nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Giám đốc Tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương quản lý
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Hán Công Khanh – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Hán Công Khanh
Ngày sinh: 27/10/1975
Giới tính: Nam
Nơi sinh: Phú Thọ
Quốc tịch: Việt Nam
Số CCCD: 001075003668 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/01/2015
Địa chỉ thường trú: 1B Phố Bùi Ngọc Dương, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học quản lý kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 1996 → 2004	Công ty TNHH Thông Tin – INFOCOM	Giám đốc
Từ 2004 → 2008	Công ty TNHH Thiết bị Phú Bình	Giám đốc
Năm 2009	CTCP Dịch vụ giá trị gia tăng GK	Trưởng phòng kinh doanh
Từ 1/2010 → 8/2010	CTCP CK Thái Bình Dương	Giám đốc Phát triển kinh doanh
Từ 8/2010 → 12/2010	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Phó Tổng Giám đốc
Từ 1/2011 → 07/2014	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Tổng Giám đốc
Từ 2013 → 06/2014	CTCP Quản lý đầu tư Trí Việt	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 6/2014 – 2/2015	CTCP Quản lý đầu tư Trí Việt	Phó Tổng giám đốc
Từ 4/2013 → 04/2019	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 04/2019 → Nay	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Trưởng BKS
Từ 4/2014 → 04/2019	Công ty cổ phần Tập đoàn Cotana	Thành viên HĐQT
Từ 04/2019 → Nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Cotana	Trưởng BKS

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Cotana
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 2.156 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao BKS
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Trần Thành Trung – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Trần Thành Trung
 Ngày sinh : 19/08/1979
 Giới tính : Nam
 Nơi sinh : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND : 011978630 do CA Hà Nội cấp ngày 01/06/2011
 Địa chỉ thường trú : Số 38 ngõ 107 Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ
 Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 2001 → 2003	Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm	Đại diện bán hàng
Từ 2003 → 2011	Công ty cổ phần Phát triển cơ sở hạ tầng V-Trac (100% vốn của Mỹ)	Chuyên viên phòng hỗ trợ bán hàng; Chuyên gia phân tích marketing cao cấp kiêm đại diện bán hàng
Từ 2011 → 2014	Công ty cổ phần Nội thất Gia Minh	Trưởng phòng bán hàng
Từ 2014 → nay	Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ	Trưởng nhóm bán hàng ngành công nghiệp
Từ 03/2018 → Nay	Công ty CP Chứng khoán Trí Việt	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát
 Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Trưởng nhóm bán hàng ngành công nghiệp Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ
 Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 85.269 cổ phần
 Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao Ban kiểm soát
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Phạm Đức Minh – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Phạm Đức Minh
Ngày sinh : 11/11/1979
Giới tính : Nam
Nơi sinh : Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Số CMND : 011852845 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày: 15/11/2005
Địa chỉ thường trú : Số 135 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Trình độ văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh Thụỵ điển
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ 2003 → 2005	National Association of UNESCO Federation of Japan – JICA	Điều phối viên dự án
Từ 2005 → 2007	Trung Ương Hội Doanh nghiệp trẻ Việt	Chuyên viên Quan hệ Đối ngoại
Từ 2007 → 2008	Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên Đối ngoại
Từ 2008 → 2014	Ban Đối ngoại và Pháp chế Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu	Chuyên viên cao cấp
Từ 20/2012 → nay	Dự án GPE – VNEN (Ngân hàng Thế giới – Bộ GD&ĐT)	Tư vấn độc lập/ Trưởng ban phiên dịch
Từ 03/2018 → nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt	Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Tư vấn độc lập, trưởng ban phiên dịch dự án GPE-VNEN của Ngân hàng thế giới
Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 324 cổ phần
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : Không
Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Thù lao Ban kiểm soát
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không
Hành vi vi phạm pháp luật : Không

14. Tài sản

Tính đến thời điểm 31/12/2018, giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty theo Báo cáo tài chính kiểm toán được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	4.473.628	3.368.876	1.104.751
1	Phương tiện vận tải	1.474.683	380.320	1.094.363
2	Dụng cụ quản lý	2.564.230	2.553.842	10.388
3	TSCĐ hữu hình khác	434.714	434.714	0
II	Tài sản cố định vô hình	8.506.400	4.071.036	4.435.364
1	Phần mềm máy tính	8.072.888	3.637.524	4.435.364
2	TSCĐ vô hình khác	433.512	433.512	0
	Tổng cộng	12.980.028	7.439.912	5.540.115

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

Tính đến thời điểm 31/03/2019 Giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty theo Báo cáo tài chính được thể hiện như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	4.473.628	3.435.278	1.038.349
1	Phương tiện vận tải	1.474.683	443.681	1.031.001
2	Dụng cụ quản lý	2.564.230	2.556.882	7.348
3	TSCĐ hữu hình khác	434.714	434.714	0
II	Tài sản cố định vô hình	8.506.400	4.331.587	4.174.813
1	Phần mềm máy tính	8.072.888	3.898.075	4.174.813
2	TSCĐ vô hình khác	433.512	433.512	0
	Tổng cộng	12.980.028	7.766.865	5.213.162

(Nguồn: BCTC quý I/2019 do Công ty tự lập)

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

15.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2019

Đơn vị: Nghìn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020	
			Giá trị	% tăng so với năm 2018	Giá trị	% tăng so với năm 2019
1	Doanh thu thuần	39.440.091	122.000.000	209,33%	140.300.000	15%
2	Lợi nhuận sau thuế	20.008.655	55.610.000	177,93%	63.951.500	15%
3	Vốn chủ sở hữu	183.901.510	643.236.529	249,77%	643.236.529	-
4	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	50,73%	45,58%	-10,15%	45,58%	-
5	Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,88%	8,65%	-20,50%	9,94%	14,91%

Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2019 – 2020 được xây dựng trên mô hình hoạt động và tình hình thực tế của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt, và dựa trên báo cáo kết quả kinh doanh các năm trước và dự báo phát triển thị trường chứng khoán trong các năm tới.

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-DHĐCĐ/TVB ngày 23/04/2019 thì Doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty điều chỉnh lần lượt là 122 tỷ và 55,61 tỷ. Tính đến thời điểm 31/03/2019, doanh thu của Công ty ước đạt 11,17 tỷ tương ứng với 37,91% kế hoạch cả năm và lợi nhuận sau thuế đạt 5,32 tỷ tương ứng với 9,57% kế hoạch cả năm. Trước những thông tin tích cực của kinh tế vĩ mô, trước những dự báo khởi sắc của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2018 Công ty tin tưởng sẽ hoàn thành hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Công ty đã xây dựng các chương trình hoạt động, đưa ra các giải pháp cụ thể đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty để đạt được kế hoạch đề ra. Cụ thể:

✦ **Hoạt động môi giới**

Doanh thu hoạt động môi giới của Công ty năm 2019 dự kiến là 50.000.000.000 đồng. Để đạt được kế hoạch đề ra, công ty đưa ra các giải pháp cụ thể sau đây:

- Tăng cường đào tạo huấn luyện kỹ năng phân tích, tư vấn đầu tư, phát triển chăm sóc khách hàng hiệu quả, đồng thời nâng cấp các hệ thống giao dịch trực tuyến.
- Phát triển mở rộng mạng lưới khách hàng. Đồng thời tăng cường đội ngũ nhân sự môi giới để phục vụ khách hàng cho phù hợp.
- Kết hợp với các sản phẩm mới của công ty và kết hợp với bên thứ ba tài trợ tài chính để

tăng vòng quay giao dịch của khách hàng.

✦ **Hoạt động dịch vụ chứng khoán.**

Ngoài các hoạt động dịch vụ chứng khoán đã cung cấp. Từ năm 2017 Công ty được UBCK chấp nhận việc cho thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ chứng khoán trong thời gian tới chủ yếu doanh thu từ cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán. Lãi từ các khoản cho vay margin và ứng trước tiền bán năm 2019 dự kiến là 52.000.000.000 đồng. Để đạt được kế hoạch đề ra và đảm bảo an toàn vốn công ty đề ra các giải pháp:

- Xây dựng sản phẩm dịch vụ giao dịch ký quỹ linh hoạt, an toàn, có hiệu quả.
- Tuân thủ chặt chẽ quy trình quản trị rủi ro hoạt động trong quá trình cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ nhất là trong việc tuân thủ tỷ lệ xử lý chứng khoán giảm giá, việc gia hạn cho vay giao dịch ký quỹ (cho vay margin).

✦ **Dịch vụ tư vấn tài chính**

Trong thời gian tới công ty tập trung chú trọng đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính. Trong thời gian đầu công ty tập trung khai thác vào khách hàng có tiềm năng hiện đã có mối quan hệ sẵn với Công ty và ban lãnh đạo, đồng thời phát triển đội ngũ sale các sản phẩm IB.

✦ **Tự doanh chứng khoán**

Ngày 15/03/2019 UBCK chấp thuận cho Công ty bổ sung nghiệp vụ tự doanh chứng khoán. Công ty lựa chọn mua và nắm giữ cổ phiếu dài hạn, đầu tư vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp lớn và tính thanh khoản cao. Hoạt động tự doanh cũng được kỳ vọng mang lại doanh thu và lợi nhuận lớn cho Công ty trong năm 2019

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty đưa đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngay sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy định.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành

Cam kết về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: Tại Điều 5 của Điều lệ Công ty thì nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu đến 100% cổ phần của Công ty. Tuy nhiên Công ty chưa thực hiện báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước do đó giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài hiện nay tại Công ty là 49%. Công ty cam kết sẽ nộp báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong thời gian phù hợp (dự kiến trong năm 2019).

Cam kết thực hiện phương án phát hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 23/04/2019 đã thông qua phương án thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 7%, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) 5% tổng số cổ phiếu lưu hành và Phát hành riêng lẻ 6.500.000 cổ phần chào bán cho đối tác. Công ty cam kết sẽ thực hiện phát hành theo lộ trình

đã được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán

Không có

19. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.

Theo báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 2:1 tăng vốn điều lệ từ 161.915.600.000 đồng lên 242.873.400.000 đồng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thì toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng cho vay giao dịch ký quỹ.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

24.287.340 (Hai mươi tư triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi) cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến.

Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thực hiện theo phương án phát hành tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 23/04/2019 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT/TVB ngày 02/05/2019 của Công ty là 10.000 đồng/cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

5.1. Giá trị sổ sách

Dựa trên BCTC năm 2018, giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách cổ phiếu TVB của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt tại thời điểm 31/12/2018 theo BCTC Công ty như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018
Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 (A)	183.901.510.351
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2018 (B)	16.191.560
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (A)/(B)	11.358

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC năm 2018 Công ty đã kiểm toán

5.2. Phương pháp giá thị trường

Phương pháp giá thị trường được xác định dựa trên bình quân giá đóng cửa 30 phiên giao dịch gần nhất trước khi Hội đồng quản trị thông qua giá chào bán.

Bình quân giá đóng cửa 30 phiên giao dịch gần nhất trước khi Hội đồng quản trị thông qua giá chào bán ngày 02/05/2019 là **18.492 đồng**

5.3. Phương pháp P/E bình quân

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt được tính

theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (Theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E: Bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự đang niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội, Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh

P/E của một số doanh nghiệp trong ngành:

Stt	Tên Công ty	Sở giao dịch	SPCP tại ngày 31/12/2018	EPS năm 2018	Giá cổ phiếu ngày 31/12/2018	P/E
1	Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hose	110.973.644	1.792	10.250	5,72
2	Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	HNX	72.233.937	1.741	12.700	7,29
3	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương	Hose	106.436.576	1.414	9.890	6,99
4	Công ty cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	Hose	129.756.758	5.214	46.850	8,99
5	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	HNX	105.395.674	2.746	12.800	4,66
6	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Hose	510.063.684	2.428	26.650	10,98
7	Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Hose	63.502.375	2.290	13.400	5,85
8	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	HNX	100.964.583	2.675	9.300	3,48

9	Công ty cổ phần Chứng khoán Vndirect	Hose	220.430.169	1.780	16.400	9,21
P/E Bình quân						7,02

Giá cổ phiếu TVB của Công ty cổ phần chứng khoán Trí Việt theo phương pháp P/E = 7,02 * 1.292 = 9.069 đồng/cổ phần.

5.4. Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được tính toán phương pháp trung bình cộng của 3 phương pháp tính giá gồm phương pháp giá trị sổ sách, phương pháp giá thị trường, phương pháp P/E. Để đảm bảo phương án phát hành thành công nên Công ty sử dụng mức chiết khấu 77,15% nhằm điều chỉnh giá phát hành cho phù hợp. Cụ thể như sau:

$$\text{Giá phát hành} = \frac{11.358 + 18.492 + 9.069}{3} * 77,15\% = \mathbf{10.000} \text{ (đồng/CP)}$$

Căn cứ vào kết quả tính toán, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu Công ty là 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương thức phân phối

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo quy định hiện hành sau khi nhận được Giấy phép phát hành cổ phiếu của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

7. Thời gian phân phối

Thời gian phân phối cho cổ đông hiện hữu được thực hiện sau khi công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép chào bán và trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Sau khi nhận giấy phép chào bán cổ phiếu của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành họp thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Các bước cụ thể như sau:

- Nhận giấy phép chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp
- Công bố thông tin về được UBCKNN cấp giấy phép chào bán: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được Giấy phép chào bán.
- Xác ngày đăng ký cuối cùng và danh sách người sở hữu chứng khoán được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: Công ty sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông để xác định danh sách sở hữu tại ngày đăng ký cuối cùng để xác định cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
- Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ gửi danh sách người sở hữu được

phân bổ quyền mua cho Công ty. Sau khi Công ty xác nhận danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thì trong vòng 02 ngày làm việc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo cho thành viên lưu ký nơi cổ đông trực tiếp mở tài khoản để thông báo cho nhà đầu tư. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký Công ty sẽ thông báo trực tiếp cho cổ đông về quyền mua cổ phiếu.

- Chuyển quyền mua cổ phiếu: Quyền mua cổ phiếu được thực hiện chuyển nhượng trong một thời gian nhất định kể từ ngày thông báo danh sách cổ đông được phân bổ quyền. Các cổ đông đã lưu ký làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua trực tiếp tại thành viên lưu ký. Đối với cổ đông chưa lưu ký sẽ thực hiện tại Công ty.
- Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu: Trên cơ sở danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu do Trung tâm lưu ký cung cấp, các thành viên lưu ký sẽ hướng dẫn cho cổ đông đã lưu ký sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phần. Đối với cổ đông chưa lưu ký, các cổ đông sẽ đăng ký và nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
- Tổng hợp thực hiện quyền: Trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, thành viên lưu ký lập và gửi VSD báo cáo thực hiện quyền. Trên cơ sở danh sách cổ đông thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và danh sách cổ đông chưa lưu ký do Công ty tổng hợp, Công ty sẽ tiến hành chào bán cổ phiếu chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác.
- Chào bán cổ phiếu chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác: Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu). Số lượng cổ phiếu do HĐQT phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Báo cáo kết quả phát hành: Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, Công ty sẽ lập báo cáo phát hành gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Chuyển giao cổ phiếu và thực hiện lưu ký, đăng ký giao dịch cổ phiếu: Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán, dự kiến 10 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, Công ty sẽ trao chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho cổ đông chưa lưu ký.

9. Phương thức thực hiện quyền

Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần và chào bán cổ phần cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua thêm cổ phiếu. Cổ đông sau khi nhận thông báo về việc phân bổ quyền mua sẽ thực hiện quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phần theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Tại Điều 5 của Điều lệ Công ty thì nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu đến 100% cổ phần của Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước do đó giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài hiện nay tại Công ty là 49%. Trong thời gian tới Công ty sẽ nộp báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của nhà đầu

từ nước ngoài trong thời gian phù hợp (dự kiến trong năm 2019).

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Số lượng cổ phiếu phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng. Trừ các cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết được hội đồng quản trị phân phối cho đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP

12. Các loại thuế có liên quan

12.1. Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 22% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014 và sẽ được áp dụng mức thuế 20% kể từ ngày 01/01/2016.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

12.2. Đối với nhà đầu tư

✦ Đối với nhà đầu tư cá nhân

- ✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - Đối với nhà đầu tư cá nhân: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần theo Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015.
- ✓ Thu nhập từ cổ tức:
 - Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập từ cổ tức của cá nhân thuộc diện thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

✦ Đối với nhà đầu tư tổ chức

- ✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
 - Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

- Số tài khoản: 00749126003
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Hội sở
- Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.

1. Mục đích chào bán

Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và mở rộng quy mô doanh nghiệp.

2. Phương án khả thi

Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu dự kiến sẽ được sử dụng toàn bộ cho các hoạt động gồm cho vay giao dịch kỹ quỹ, đầu tư kinh doanh chứng khoán và bổ sung vốn lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh hiện tại của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu dự kiến là 242.873.400.000 đồng sẽ được sử dụng cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (Cho vay Margin), tự doanh chứng khoán và bổ sung vốn lưu động.

Phương án sử dụng vốn dự kiến cụ thể như sau:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng
1	Cho vay giao dịch ký quỹ	100.000.000.000 VNĐ
2	Đầu tư kinh doanh chứng khoán (Tự doanh chứng khoán)	50.000.000.000 VNĐ
3	Bổ sung vốn lưu động	92.873.400.000 VNĐ
Tổng cộng		242.873.400.000 VNĐ

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Trụ sở chính: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-37425 888

Fax: 84-4-37578 666

Website: kiemtoanttp.com

Email: ttp@kiemtoanttp.com

IX. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục II: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHDCĐ/TVB ngày 23/04/2019 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT/TVB ngày 02/05/2019.

Phụ lục III: Điều lệ Công ty

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 và Báo cáo tài chính quý I/2019 Công ty tự lập; Báo cáo kiểm toán Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2017, tại ngày 31/12/2019 của Công ty

Phụ lục V: Các tài liệu khác.

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2019

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

CHỦ TỊCH HĐQT ✓

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Tùng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Trung

Phạm Hồng Minh

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Hán Công Khanh

